

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6219/BC-BKHĐT

Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2020

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020,
dự kiến Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021**

Kính gửi: Ủy ban Kinh tế của Quốc hội

Căn cứ chương trình Phiên họp toàn thể của Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, trên cơ sở báo cáo của Ban Cán sự Đảng Chính phủ trình Bộ Chính trị về Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) năm 2020, dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH năm 2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban Kinh tế của Quốc hội như sau:

PHẦN I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2020

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2020

1. Bối cảnh thế giới

Từ đầu năm 2020 đến nay, sự bùng phát của đại dịch COVID-19 với tốc độ lây lan rất nhanh, diễn biến khó lường và mức độ nguy hiểm chưa từng có trong lịch sử đã tác động mạnh mẽ, toàn diện và sâu rộng đến mọi mặt của đời sống kinh tế, xã hội toàn cầu; đến nay đã có trên 31 triệu người nhiễm bệnh với khoảng 1 triệu người tử vong. Đại dịch đã đẩy kinh tế toàn cầu rơi vào tình trạng suy thoái trầm trọng nhất kể từ Đại suy thoái 1929-1933 và có thể dẫn tới các cuộc khủng hoảng về năng lượng, nhiên liệu, tài chính, tiền tệ. Hầu hết các tổ chức quốc tế dự báo kinh tế toàn cầu và các quốc gia, đối tác lớn tăng trưởng âm trong năm 2020; hàng trăm triệu lao động mất việc làm, giảm sâu thu nhập, gây ra tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng về việc làm, thất nghiệp, an sinh xã hội và tác động đến trật tự kinh tế, chính trị, xã hội toàn cầu. Bên cạnh đó, tình hình địa chính trị thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; chủ nghĩa dân tộc cực đoan; cạnh tranh chiến lược giữa các quốc gia, đối tác lớn và xu hướng bảo hộ, xung đột thương mại tiếp tục gia tăng. Bối cảnh đó đặt ra những khó khăn, thách thức lớn đối với nền kinh tế nước ta trên nhiều lĩnh vực.

2. Bối cảnh trong nước

Trong nước, là nền kinh tế có độ mở lớn, chúng ta đã trải qua 2 đợt dịch ở một số địa phương (tháng 3-4 và tháng 7-8/2020) với những tác động mạnh đến tình hình kinh tế, xã hội đất nước. Nhiều hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội bị ảnh hưởng; sản xuất kinh doanh bị đình trệ, nhất là trong một số lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, vận tải, du lịch...; hàng triệu lao động mất việc làm, thiếu việc làm, thu nhập giảm sâu. Trong khi đó, biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan, thiên

tai, lũ lụt, sạt lở, giông lốc các tỉnh miền núi phía Bắc; nắng nóng, hạn hán ở miền Trung, Tây Nguyên; xâm nhập mặn, thiếu nước ngọt ở Đồng bằng sông Cửu Long gây thiệt hại khá lớn; dịch tả lợn châu Phi mặc dù đã được khống chế nhưng vẫn tiếp tục tác động tiêu cực đến sản xuất và đời sống.

II. QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

Trước bối cảnh rất khó khăn, hưởng ứng Lời kêu gọi của Đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã kịp thời ban hành các kết luận, nghị quyết, chỉ thị với phương châm *"chống dịch như chống giặc"*, quyết tâm thực hiện *"mục tiêu kép"*: vừa quyết liệt phòng, chống dịch hiệu quả; vừa tập trung phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, kiểm soát dịch bệnh là ưu tiên hàng đầu, quan trọng nhất nhằm bảo vệ sức khỏe nhân dân, ổn định xã hội, đồng thời phải giảm thiểu thiệt hại đối với nền kinh tế; qua đó tạo điều kiện duy trì và sớm phục hồi sản xuất kinh doanh, tận dụng cơ hội để phát triển nhanh, bền vững. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể và công tác dân vận đã đóng góp tích cực trong việc tuyên truyền, vận động người dân phòng, chống dịch hiệu quả và huy động được nhiều nguồn lực xã hội hỗ trợ kịp thời cho công tác phòng, chống dịch.

Chúng ta đã huy động cả hệ thống chính trị và nhân dân tham gia phòng, chống dịch Covid-19 theo phương châm *"4 tại chỗ"* theo đúng chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; quyết liệt triển khai có hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch ở mức cao và sớm hơn so với khuyến cáo của WHO; xây dựng các kịch bản ứng phó, xử lý linh hoạt, kịp thời các tình huống phát sinh; thực hiện cách ly tập trung, kiểm soát dịch xâm nhập qua các tuyến biên giới, khoanh vùng dập dịch triệt để và áp dụng biện pháp giãn cách xã hội quyết liệt ở phạm vi, quy mô phù hợp; thực hiện tốt chủ trương đón công dân Việt Nam ở nước ngoài về nước an toàn.

Ban cán sự đảng Chính phủ, Chính phủ đã chủ động, kịp thời báo cáo Bộ Chính trị, Trung ương, Quốc hội ban hành các kết luận, nghị quyết về phòng, chống dịch và phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có những nhiệm vụ vừa mang tính cấp bách, vừa mang tính căn cơ để giảm thiểu thiệt hại của dịch bệnh, bảo đảm đời sống nhân dân, tận dụng các cơ hội thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi, cơ cấu lại nền kinh tế phù hợp với xu thế mới, tình hình mới và cơ hội mới. Trên cơ sở đó, chúng ta đã kịp thời ban hành, tập trung triển khai đồng bộ, hiệu quả nhiều giải pháp trọng tâm để hỗ trợ nền kinh tế, doanh nghiệp và người dân vượt qua khó khăn, khôi phục và phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội:

(1) *Hỗ trợ nền kinh tế, chia sẻ gánh nặng và khó khăn với người dân, doanh nghiệp*: Ngay sau khi dịch bùng phát, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04/3/2020, yêu cầu các bộ, ngành, địa phương thực hiện ngay 07 nhóm nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, trong đó có các giải pháp về tài khóa, tiền tệ, tín dụng (cơ cấu lại nợ, miễn, giảm, hạ lãi suất cho vay...), hướng tới đối tượng là các doanh nghiệp, người lao động bị mất việc làm, góp phần tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội.

(2) *Giảm chi phí và áp lực tài chính ngắn hạn cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh*: Chính phủ đã trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua các nghị quyết về kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp¹, giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2020², giảm 30% thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay đến hết năm 2020³. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các nghị định, quyết định về gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất⁴; giảm tiền thuê đất của năm 2020 cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi đại dịch⁵; gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước; đồng thời trình cấp có thẩm quyền xem xét đề hỗ trợ một số ngành, lĩnh vực bị ảnh hưởng lớn từ dịch bệnh, trong đó có ngành hàng không.

(3) *Về an sinh xã hội, lao động việc làm*: Sau khi báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ ban hành Nghị quyết về các biện pháp hỗ trợ người lao động, người dân bị giảm sâu thu nhập, mất, thiếu việc làm, gặp khó khăn, không đảm bảo mức sống tối thiểu do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 và hỗ trợ thêm cho một số nhóm đối tượng đang hưởng chính sách ưu đãi, bảo trợ xã hội trong thời gian có dịch.

(4) *Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công; đẩy nhanh tiến độ dự án đầu tư quan trọng quốc gia*: Chính phủ đã ban hành nghị quyết để thúc đẩy mạnh mẽ giải ngân vốn đầu tư công⁶; trình Quốc hội cho phép chuyển đổi từ đầu tư theo phương thức đối tác công tư sang đầu tư công sử dụng toàn bộ vốn ngân sách nhà nước đối với 03 dự án thành phần thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020⁷. Chính phủ đã thành lập các đoàn công tác trực tiếp đôn đốc kiểm tra và thường xuyên họp hàng tháng để chỉ đạo đôn đốc giải ngân vốn đầu tư công.

(5) *Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển*: Kịp thời sửa đổi, bổ sung, ban hành các cơ chế, chính sách; trình Quốc hội sửa đổi các Luật: Đầu tư, Xây dựng, Doanh nghiệp; ban hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) để góp phần tháo gỡ khó khăn, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư xã hội cho phát triển, nâng cao sự chủ động của các đơn vị sự nghiệp công lập, phát triển các dự án năng lượng tái tạo, bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia... Đổi mới phương thức ban hành văn bản pháp luật theo hướng khi ban hành 01 văn bản mới phải hủy bỏ ít nhất 01 văn bản cũ; ban hành một nghị định, thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế nhiều nghị định, thông tư.

Đồng thời, chúng ta đã tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ về *bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; kiên quyết, kiên trì bảo vệ độc*

¹ Nghị quyết số 107/2020/QH14.

² Nghị quyết 116/2020/QH ngày 19/6/2020.

³ Nghị quyết số 979/2020/NQ-UBTVQH14.

⁴ Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020.

⁵ Quyết định số 22/2020/QĐ-TTg ngày 10/8/2020.

⁶ Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020.

⁷ Nghị quyết số 117/2020/QH14.

lập, chủ quyền quốc gia; đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế, phát huy vai trò Chủ tịch ASEAN, Chủ tịch AIPA 41 và Ủy viên không thường trực Hội đồng bảo an Liên Hợp Quốc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển đất nước. Đẩy mạnh đối ngoại với các nước trong bối cảnh đại dịch Covid-19, nhất là trong phòng chống dịch, mang lại ấn tượng tốt đẹp về Việt Nam.

III. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thách thức, nhưng nhờ sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp, người dân cả nước, tình hình kinh tế - xã hội đất nước tiếp tục phát triển ổn định, đạt những kết quả tích cực và có nhiều điểm sáng.

- *Kiểm soát tốt dịch bệnh, tạo điều kiện thuận lợi cho phục hồi và phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội.* Theo đánh giá của WHO, Việt Nam nằm trong số ít các quốc gia kiểm soát tốt dịch bệnh và đã có cách làm đúng, kịp thời, hiệu quả, chi phí thấp. Kết quả tích cực trong phòng, chống đại dịch COVID-19 được cộng đồng quốc tế đánh giá cao, khẳng định truyền thống đoàn kết, nhân ái, ý chí kiên cường của dân tộc, bản chất tốt đẹp của chế độ ta, được nhân dân tin tưởng, ủng hộ. Đồng thời chúng ta đã *kịp thời hỗ trợ cho người dân và doanh nghiệp*; đến hết tháng 8/2020, đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm, hạ lãi suất, cho vay mới với lãi suất ưu đãi với tổng số dư nợ vay trên 3 triệu tỷ đồng; giảm giá tiền điện 9,2 nghìn tỷ đồng; gia hạn nợ trên 66 nghìn tỷ đồng tiền thuê và tiền thuê đất; hỗ trợ 12,4 nghìn tỷ đồng cho gần 12,5 triệu người dân và 23 nghìn hộ kinh doanh; đồng thời cho phép tạm dừng đóng quỹ hưu trí và tử tuất đối với doanh nghiệp gặp khó khăn. Đời sống người dân, nhất là ở nông thôn, miền núi cơ bản ổn định tốt.

- *Kinh tế vĩ mô duy trì ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm; đạt được mức tăng trưởng tích cực trong bối cảnh kinh tế thế giới suy thoái nghiêm trọng.* Tốc độ tăng trưởng cả năm ước đạt trên 2%, phấn đấu đạt khoảng 3%, Việt Nam là nước có mức tăng trưởng dương cao nhất so với 5 nền kinh tế lớn trong khu vực Đông Nam Á, là một trong 16 nền kinh tế mới nổi thành công nhất thế giới và được thế giới đánh giá cao. Mặt bằng lãi suất giảm; tỷ giá, thị trường ngoại hối ổn định, thanh khoản thị trường được bảo đảm; dự trữ ngoại hối cao nhất từ trước đến nay. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân tăng 3,5-3,9% (mục tiêu là dưới 4%). Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội ước đạt 33,6% GDP (mục tiêu là 33-34% GDP).

- *Nông nghiệp khẳng định vai trò là trụ đỡ của nền kinh tế trong khó khăn.* Tăng trưởng cả năm ước đạt khoảng 2,6% (cao hơn mức 2,01% của năm 2019). Cơ cấu lại ngành nông nghiệp một cách thực chất và hiệu quả hơn, đặc biệt sản xuất lúa gạo tăng cả về năng suất, sản lượng, giá bán, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia. Nhiều nhà máy chế biến nông sản được xây dựng và đi vào hoạt động. Xây dựng nông thôn mới và đầu tư phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn được chú trọng; đến cuối năm 2020 dự kiến có trên 63% xã đạt chuẩn nông thôn mới (mục tiêu đề ra là 50%).

- Sản xuất công nghiệp gặp nhiều khó khăn nhưng vẫn đạt mức tăng trưởng 2,5%. Cơ cấu nội ngành công nghiệp tiếp tục chuyển dịch tích cực; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo tăng, trong đó có ngành điện tử, dược, vật tư y tế, chế biến thực phẩm, hóa chất, chế biến gỗ... Vai trò của khu vực doanh nghiệp trong nước được phát huy, là một động lực tăng trưởng quan trọng của toàn ngành công nghiệp. Cùng với các thành phần kinh tế khác, nhiều tập đoàn, tổng công ty nhà nước, ngân hàng thương mại nhà nước đã phát huy vai trò quan trọng trong bảo đảm ổn định các lĩnh vực trọng yếu và các cân đối lớn của nền kinh tế, phát huy tác dụng đối với đời sống xã hội trong bối cảnh khó khăn.

- Xuất khẩu tăng, xuất siêu 8 tháng đạt 13,5 tỷ USD trong bối cảnh thương mại toàn cầu suy giảm nghiêm trọng. Đặc biệt, xuất khẩu của khu vực trong nước vươn lên mạnh mẽ, 8 tháng tăng 15,3%. Đồng thời, các cấp các ngành chú trọng nhiệm vụ phát triển thị trường trong nước, bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa, nhất là các mặt hàng nhu yếu phẩm. Thương mại điện tử phát triển mạnh, doanh số tăng 25%, trở thành một kênh phân phối quan trọng của nền kinh tế. Thu hút được nhiều dự án đầu tư nước ngoài tốt với tổng số vốn đăng ký mới, bổ sung và góp vốn, mua cổ phần đạt trên 20 tỷ USD; dự kiến có nhiều tập đoàn công nghệ và công nghiệp phụ trợ đầu tư vào Việt Nam trong thời gian tới.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số. Cắt giảm thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, thủ tục kiểm tra chuyên ngành, đưa vào vận hành một số nền tảng, hệ thống thông tin quan trọng của Chính phủ điện tử, các dịch vụ công trực tuyến, góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh một cách thực chất hơn, tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ, phục vụ người dân và doanh nghiệp. Liên hợp quốc và nhiều tổ chức quốc tế đánh giá cao những tiến độ vượt bậc của Việt Nam trong xây dựng Chính phủ điện tử. Sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế đạt nhiều kết quả, biên chế công chức và biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước lần lượt giảm 2,34% và 3,13% (năm 2019 là 2,08% và 1,18%).

- Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ thông tin, thích ứng nhanh trong bối cảnh dịch bệnh, nhất là trong phòng chống dịch Covid-19, các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, khám chữa bệnh... Nước ta tiếp tục duy trì xếp hạng cao về chỉ số đổi mới sáng tạo, đứng đầu các nước có mức thu nhập trung bình thấp; đứng thứ 3 trong khu vực ASEAN (sau Singapore và Malaysia). Nhiều doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đã thể hiện vai trò tiên phong trong nghiên cứu các giải pháp khoa học công nghệ, đáp ứng yêu cầu cấp bách trong phòng chống dịch bệnh và phục vụ phát triển KTXH.

- Chú trọng thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển văn hóa, xã hội, môi trường, bảo đảm an sinh xã hội và đời sống nhân dân. Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân tiếp tục được tập trung chỉ đạo. Mạng lưới y tế cơ sở được củng cố; y tế dự phòng được tăng cường; ngăn chặn hiệu quả các dịch bệnh; chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh được nâng lên. Tổ chức thành công kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông theo 2 đợt thi, cơ bản đáp ứng được các mục tiêu, yêu cầu đề ra. Công tác bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo được đẩy mạnh thực hiện;

tỷ lệ hộ nghèo giảm 1-1,5 điểm phần trăm, riêng các huyện nghèo giảm trên 5 điểm phần trăm, đạt mục tiêu đề ra. Số lượt hộ thiếu đói giảm 75% so với cùng kỳ. Các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thông tin, truyền thông được quan tâm, góp phần động viên, cổ vũ, khơi dậy truyền thống tốt đẹp, niềm tự hào dân tộc. Hoạt động kiểm soát, giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp có những chuyển biến tích cực. Chỉ số phát triển bền vững năm 2020 của Việt Nam tăng 5 bậc, xếp thứ 49/166 quốc gia và vùng lãnh thổ.

- Các biện pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng được triển khai đồng bộ, quyết liệt, góp phần tích cực xây dựng xã hội dân chủ, công khai, minh bạch, củng cố niềm tin của nhân dân. Tập trung điều tra, xử lý dứt điểm các vụ án tham nhũng lớn theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được các cấp, các ngành chú trọng, thực hiện tốt; số vụ khiếu kiện đông người giảm hẳn. Việc công khai các kết luận kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng đã nhận được sự đồng tình, ủng hộ của cán bộ, đảng viên, nhân dân.

- Trong bối cảnh tình hình Biển Đông diễn biến rất phức tạp, lãnh đạo Đảng, Nhà nước đã đưa ra những quyết sách kịp thời, đúng đắn, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền biển đảo, các lợi ích chính đáng của ta trên biển, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để tập trung cho phát triển. Thực hiện tốt các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh thông tin truyền thông. Bảo vệ tuyệt đối an ninh, an toàn các hoạt động và sự kiện lớn của đất nước.

- Công tác đối ngoại được tăng cường, góp phần nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Thực hiện tốt các hoạt động đối ngoại của lãnh đạo Đảng, Nhà nước; đảm nhiệm thành công các trọng trách tại các diễn đàn, tổ chức quốc tế, khu vực; củng cố quan hệ và gia tăng tin cậy với các nước, đối tác. Chúng ta đã đẩy mạnh ngoại giao kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế; tạo bước tiến mới, thực chất với việc thông qua các Hiệp định EVFTA và EVIPA; đẩy mạnh triển khai Hiệp định CPTPP; mở rộng và đa dạng hóa thị trường, góp phần nâng cao khả năng thích ứng của nền kinh tế.

IV. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

Bên cạnh các kết quả quan trọng, toàn diện trên nhiều lĩnh vực rất đáng ghi nhận nêu trên, nền kinh tế nước ta vẫn còn những tồn tại, hạn chế. Cơ cấu lại các ngành lĩnh vực có chuyển biến nhưng còn chậm. Chất lượng chuẩn bị dự án đầu tư công còn hạn chế; thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công có chuyển biến tích cực nhưng vẫn còn chậm so với yêu cầu đề ra. Cổ phần hóa, thoái vốn tại doanh nghiệp nhà nước không đạt kế hoạch. Cân đối thu, chi ngân sách nhà nước gặp nhiều khó khăn; tỷ lệ bội chi ngân sách nhà nước tăng; đổi mới khu vực sự nghiệp công chưa đáp ứng yêu cầu. Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống của một bộ phận người lao động, người dân gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ thất nghiệp tăng, nhất là ở khu vực thành thị; triển khai các chính sách hỗ trợ có nơi còn chậm. Các văn bản quy định chi tiết thi hành pháp luật còn chậm được ban hành hoặc chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời. Khiếu kiện

về đất đai tuy đã giảm nhưng vẫn còn gây bức xúc ở một số địa phương. Tình hình an ninh, trật tự, tội phạm hình sự nghiêm trọng còn diễn biến phức tạp trên một số địa bàn;...

Những tồn tại, hạn chế nêu trên có nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. Nền kinh tế nước ta chịu tác động, ảnh hưởng rất lớn trên nhiều lĩnh vực do đại dịch Covid-19; các nước đối tác lớn của ta đều chịu thiệt hại nặng nề, suy thoái kinh tế nghiêm trọng, nhất là trong quý II/2020. Cơ cấu kinh tế của nước ta còn những bất cập; năng lực nội tại và khả năng chống chịu, thích ứng với những biến động mạnh từ bên ngoài còn hạn chế. Còn tình trạng né tránh, đùn đẩy, thiếu quyết liệt, tinh thần trách nhiệm chưa cao ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương và trong một bộ phận cán bộ, công chức. Một số cơ chế chính sách còn chồng chéo, chưa đồng bộ, chậm được sửa đổi, bổ sung, chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong trạng thái bình thường mới.

V. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT VÀ ƯỚC THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2020

Đánh giá tổng quát, trong bối cảnh gặp nhiều khó khăn, thách thức, mặc dù còn những hạn chế, bất cập, nhưng nhìn chung chúng ta đã đạt được mục tiêu tổng quát và nhiều chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra; trong đó, đạt và vượt 08/12 chỉ tiêu chủ yếu. Kết quả này thể hiện nỗ lực rất lớn của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn, sát sao, quyết liệt của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành và sự đồng thuận, đoàn kết, chung sức, đồng lòng và quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân cả nước; góp phần tạo sự phấn khởi, củng cố niềm tin trong toàn xã hội và được cộng đồng quốc tế đánh giá cao. Tình hình thực hiện cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020		
			Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Đánh giá
A	VỀ KINH TẾ				
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP)	%	Khoảng 6,8	Khoảng 2-3 ⁸	Không đạt
2	Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng bình quân (CPI)	%	Dưới 4	Dưới 4 ⁹	Đạt
3	Tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất khẩu	%	Khoảng 7	Khoảng 1	Không đạt
4	Tỷ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu	%	Dưới 3	Xuất siêu 2,6	Vượt
5	Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội so GDP	%	33-34	33,6	Đạt
B	VỀ XÃ HỘI				
1	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều - Trong đó: Giảm tỷ lệ hộ nghèo tại các huyện nghèo	điểm % điểm % điểm %	1-1,5 4	1-1,5 > 5	Đạt

⁸ Tăng trưởng cả năm ước đạt trên 2%, trong điều kiện cho phép, phấn đấu đạt khoảng 3%.

⁹ Theo ước tính của Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đạt khoảng 3,5-3,9%.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020		
			Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Đánh giá
2	Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi ở khu vực thành thị	%	Dưới 4	4,39	Không đạt
3	Tỷ lệ lao động qua đào tạo - Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ	%	65	64,5	Không đạt
		%	25	24,5	
4	Số giường bệnh trên 1 vạn dân (không tính giường trạm y tế xã)	giường bệnh	28	28	Đạt
5	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	90,7	90,7	Đạt
C	VỀ MÔI TRƯỜNG				
1	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	90	90	Đạt
2	Tỷ lệ che phủ rừng	%	42	42	Đạt

VI. CHI TIẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2020 CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Về tăng trưởng kinh tế

Quy mô GDP tiếp tục tăng nhưng giá trị gia tăng thấp hơn nhiều so với năm 2019 và bình quân giai đoạn 2016-2020. Năm 2020, GDP theo giá hiện hành ước đạt khoảng 6,3 triệu tỷ đồng, tăng khoảng 263 nghìn tỷ đồng so với năm 2019, thấp hơn mức tăng của năm 2019 (tăng gần 500 nghìn tỷ đồng so với năm 2018); GDP bình quân đầu người ước đạt 2.750 USD, tăng gần 35,6\$ so với năm 2019, thấp hơn mức tăng của năm 2019 (tăng khoảng 144\$); tốc độ tăng GDP năm 2020 thấp hơn nhiều so với mức tăng của năm 2019 (7,02%); sản xuất, kinh doanh chỉ cố gắng ở mức duy trì hoạt động, động lực tăng trưởng phải dựa nhiều vào vốn; đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng ước đạt 37,48%, thấp hơn nhiều so với năm 2019 (47,71%), nhưng tỷ trọng bình quân 5 năm ước đạt khoảng 43%, cao hơn mục tiêu Kế hoạch 5 năm đề ra (30-35%).

2. Về cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực chủ yếu

a) Về công nghiệp

Giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp cả năm ước tăng 2,5%, thấp hơn nhiều so với mức tăng của năm 2019 (8,86%). Quá trình tái cơ cấu ngành công nghiệp ngày càng đi vào thực chất với xu hướng chuyển dịch tích cực, đúng định hướng; công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là động lực tăng trưởng của toàn ngành công nghiệp. Chuyển dịch cơ cấu nội ngành tiếp tục có chuyển biến nhưng chậm lại. Trong đó:

- Ngành khai khoáng tăng trưởng âm (-4,98%) do giảm sản lượng theo kế hoạch. Năm 2020, sản lượng dầu thô cả năm ước đạt 11,04 triệu tấn, tăng 4,04% so với kế hoạch nhưng giảm 15,7% so với năm 2019; sản lượng khí cả năm ước đạt 9,79 tỷ m³, tăng 0,5% so với kế hoạch nhưng giảm 4,5% so với năm 2019.

Tỷ trọng ngành khai khoáng ước chiếm khoảng 5,87% GDP, giảm 0,85 điểm phần trăm so với năm 2019.

- Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng khoảng 4,53%, thấp hơn nhiều mức tăng của năm 2019 (11,29%). Trong đó, dệt may, da giày gặp nhiều khó khăn từ cả phía cung và cầu, hầu hết doanh nghiệp đang trong tình trạng tìm mọi cách để duy trì hoạt động. Dự kiến cả năm 2020, sản lượng vải dệt từ sợi tự nhiên đạt khoảng 650 triệu m², tăng 4% so với năm 2019; sản lượng vải dệt từ sợi tổng hợp, nhân tạo đạt khoảng 1.040 triệu m², giảm 11% so với năm 2019; sản lượng quần áo mặc thường đạt khoảng 4.500 triệu cái, giảm 12% so với năm 2019; sản lượng giày dép da đạt 275 triệu đôi, giảm 6% so với năm 2019. Đặc biệt, sự sụt giảm nhu cầu tiêu thụ của thị trường Mỹ và châu Âu trong bối cảnh thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh tác động rất lớn đến tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may, da giày của Việt Nam. Tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước chiếm khoảng 16,58%, tăng 0,1 điểm phần trăm so với năm 2019.

b) Về nông, lâm nghiệp và thủy sản

Năm 2020, sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản chịu "khó khăn kép" bởi thiên tai và dịch bệnh¹⁰. Giá trị tăng thêm nông, lâm nghiệp và thủy sản cả năm ước tăng 2,59%, cao hơn mức tăng của năm 2019 (2,01%), giữ vai trò quan trọng cho sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nhất là trong bối cảnh khó khăn của toàn nền kinh tế.

Tiếp tục triển khai đề án tái cơ cấu ngành, chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo hướng: chuyển từ mục tiêu số lượng sang chất lượng và giá trị gia tăng; chuyển từ sản xuất quy mô nhỏ lẻ, phân khúc sang quy mô lớn, khép kín theo chuỗi giá trị; từ dựa vào khai thác tài nguyên thiên nhiên và lao động giá rẻ sang chủ yếu là dựa vào khoa học công nghệ và đổi mới phương thức tổ chức sản xuất, quản lý; sản xuất không chỉ dựa vào lợi thế, tiềm năng mà theo sát nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm bằng tiêu chuẩn, quy chuẩn. Đặc biệt, việc chuyển đổi theo kế hoạch diện tích đất lúa kém hiệu quả sang sản xuất những sản phẩm đang có thị trường tiêu thụ và giá trị thu được cao hơn trồng lúa. Diện tích đất lúa năm 2020 ước giảm còn 7.425, nghìn ha (giảm khoảng 45,1 nghìn ha so với năm 2019) nhưng năng suất bình quân ước đạt 58,94 tạ/ha, tăng 0,25 tạ/ha so với năm 2019; giá lúa gạo trong nước và xuất khẩu tăng cao.

c) Về dịch vụ

Khu vực dịch vụ chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch COVID-19. Giá trị tăng thêm cả năm 2020 của khu vực này ước đạt 1,4%, thấp hơn nhiều so với mức tăng của năm 2019 (7,3%) và thấp hơn mức tăng trưởng chung (2%). Chịu thiệt hại nặng nề nhất là ngành vận tải, kho bãi và ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống. Vận tải, kho bãi và dịch vụ lưu trú, ăn uống tăng trưởng âm, thấp hơn

¹⁰ Hạn hán, xâm nhập mặn diễn ra gay gắt tại các vùng Tây Nguyên, Nam Trung Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long; đại dịch COVID-19 và dịch tả lợn Châu Phi vẫn diễn ra ở nhiều tỉnh, thành phố.

nhiều so với mức tăng của năm 2019, với mức tăng trưởng của năm 2020 lần lượt là -1,13% và -17,48% (mức tăng tương ứng của năm 2019 lần lượt là 9,12% và 6,71%).

Các hoạt động thương mại và dịch vụ truyền thống giảm mạnh do tâm lý tiêu dùng của nhân dân bị ảnh hưởng trong bối cảnh dịch bệnh còn diễn biến phức tạp, nhất là trong những tháng phải thực hiện giãn cách xã hội. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2020 ước đạt gần 5 triệu tỷ đồng, vẫn có mức tăng trưởng dương (1,1%)¹¹ nhờ các chính sách kích cầu tiêu dùng và du lịch nội địa, cùng với các gói hỗ trợ của Chính phủ. Doanh thu dịch vụ bưu chính cả năm ước đạt khoảng 33,14 nghìn tỷ đồng, tăng 17,2%. Doanh thu dịch vụ viễn thông cả năm ước đạt khoảng 131,3 nghìn tỷ đồng, tăng 0,38%. Hoạt động của các doanh nghiệp viễn thông chuyển sang tập trung triển khai các biện pháp hỗ trợ phòng, chống đại dịch COVID-19.

Cơ cấu lại khu vực dịch vụ tiếp tục được triển khai tích cực theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ, tập trung đầu tư cơ sở vật chất và phát triển đa dạng các sản phẩm. Ứng dụng rộng rãi các hình thức dịch vụ hiện đại, như thương mại và thanh toán điện tử; ngân hàng điện tử, giáo dục đào tạo trực tuyến; khám chữa bệnh từ xa;... đã góp phần giúp ngành dịch vụ thích ứng tốt hơn và phù hợp hơn với bối cảnh phát triển mới của thế giới, đặc biệt là đại dịch COVID-19.

3. Về tình hình thực hiện cơ cấu lại một số lĩnh vực trọng tâm

a) Về cơ cấu lại đầu tư công

- Về xây dựng thể chế:

Trong năm 2020, đã có nhiều văn bản, chính sách pháp luật liên quan đến đầu tư công được ban hành, trong đó có một số văn bản nổi bật sau:

+ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Luật số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020) có hiệu lực từ ngày 01/01/2021, dự kiến sẽ đóng góp mạnh mẽ vào quá trình cơ cấu lại đầu tư công.

+ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.

+ Các Nghị định của Chính phủ số: 01/2020/NĐ-CP ngày 01/01/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 về giám sát và đánh giá đầu tư; số 02/2020/NĐ-CP ngày 01/01/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 131/2015/NĐ-CP ngày 25/12/2015 hướng dẫn về dự án quan trọng quốc gia; số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công; số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

¹¹ Tuy tăng thấp hơn nhiều so với mức tăng của năm 2019 (12,2%).

+ Các văn bản số 622/TTg-KTTH và 623/TTg-KTTH ngày 26/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ gửi các đồng chí Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương yêu cầu xác định việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công là nhiệm vụ chính trị trọng tâm năm 2020 nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện cao nhất các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh đại dịch COVID-19.

- Đã thành lập 7 Đoàn công tác của Chính phủ do Lãnh đạo Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng Bộ Tài chính làm trưởng đoàn; tổ chức các Hội nghị trực tuyến, các cuộc họp giao ban thường xuyên với các bộ, ngành, địa phương để chỉ đạo thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công năm 2020.

- Việc thực hiện các văn bản pháp luật về đầu tư công đã đem lại kết quả bước đầu tích cực trong quá trình cơ cấu lại đầu tư công năm 2020. Thủ tướng Chính phủ giao toàn bộ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2020 một lần theo tổng mức vốn đã được Quốc hội quyết định cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương trước ngày 30/11/2019, tạo sự linh hoạt, chủ động cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong điều hành kế hoạch đầu tư công năm 2020. Đến tháng 8 năm 2020 đã có 52/53 các bộ, cơ quan trung ương và 63/63 địa phương có phương án phân bổ vốn ngân sách nhà nước năm 2020 tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí, phân bổ vốn đầu tư công quy định tại Luật Đầu tư công và các Nghị quyết của Quốc hội về ngân sách nhà nước năm 2020. Tuy vậy, chỉ có 38 bộ, cơ quan trung ương và 43 địa phương giao chi tiết hết 100% kế hoạch vốn cho các dự án; 05 bộ, cơ quan trung ương và 15 địa phương giao chi tiết trên 90% cho các dự án; còn lại 09 bộ, cơ quan trung ương và 05 địa phương giao chi tiết dưới 90% cho các dự án. Cơ cấu đầu tư công đã có những chuyển biến tích cực, đã tăng cường đầu tư cho cơ sở hạ tầng, góp phần cải thiện môi trường đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, xử lý bất hợp lý vùng miền; chú trọng đầu tư cho các ngành nghề có lợi thế cạnh tranh trong nền kinh tế;...

b) Về cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng

Tiếp tục triển khai quyết liệt các nhiệm vụ được giao tại Đề án "Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020". Tập trung xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém, nhất là các ngân hàng mua bắt buộc; giám sát chặt chẽ các tổ chức tín dụng triển khai phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt. Tích cực triển khai các biện pháp nâng cao chất lượng tài sản của các tổ chức tín dụng, kiểm soát chất lượng tín dụng, hạn chế phát sinh nợ xấu mới.

Tiếp tục triển khai các giải pháp tăng cường năng lực tài chính cho các ngân hàng thương mại Nhà nước. Quốc hội đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ cho Agribank tại Nghị quyết số 122/2020/QH14. Tiếp tục rà soát, sửa đổi quy định nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và rà soát, hoàn thiện phương án tăng vốn điều lệ cho các ngân hàng Vietinbank và Vietcombank. Chất lượng quản trị, điều hành từng bước được nâng cao để tiệm cận với thông lệ quốc tế. Hầu hết các tổ chức tín dụng đã áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo chuẩn mực Basel II, hướng tới hoàn thành cả 3 trụ cột theo chuẩn mực quốc tế.

c) Về cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước

Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước tiếp tục được thúc đẩy với việc Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục doanh nghiệp thực hiện thoái vốn đến 2020¹². Tiếp tục hoàn thiện các quy định nhằm thúc đẩy đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước thông qua việc sửa đổi Luật Doanh nghiệp 2020 về khái niệm doanh nghiệp nhà nước, bổ sung nhiều quy định kiểm soát tập quyền, chống xung đột lợi ích và bảo đảm tính minh bạch hóa, công khai hóa thông tin của doanh nghiệp có sở hữu nhà nước. Đã tổng hợp, điều chỉnh kế hoạch cổ phần hóa, thoái vốn cho phù hợp với thực tế triển khai; thường xuyên rà soát công tác cổ phần hóa đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật; từng bước tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nâng cao hiệu quả hoạt động Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;...

Tuy nhiên tiến độ cổ phần hóa, thoái vốn vẫn chậm. Theo danh mục doanh nghiệp nhà nước hoàn thành cổ phần hóa (hoàn thành việc bán cổ phần lần đầu)¹³ giai đoạn 2017-2020 phải hoàn thành cổ phần hóa 127 doanh nghiệp nhưng đến nay mới đạt 28% kế hoạch. Theo danh mục doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa đến hết năm 2020¹⁴ phải hoàn thành việc công bố giá trị 93 doanh nghiệp nhưng đến nay mới hoàn thành 03 doanh nghiệp. Lũy kế 08 tháng, đã thực hiện thoái vốn tại 20 doanh nghiệp, với giá trị sổ sách là 900 tỷ đồng, thu về 1.845 tỷ đồng.

d) Về cơ cấu lại ngân sách nhà nước: Trong bối cảnh chịu tác động nghiêm trọng bởi tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, tăng trưởng kinh tế giảm mạnh, cũng như việc triển khai nhiều chính sách miễn, giảm, giãn các chính sách thu thuế hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn, cơ cấu lại ngân sách nhà nước vẫn có một số chuyển biến tích cực, tỷ trọng thu nội địa, tỷ trọng chi đầu tư phát triển tăng¹⁵.

đ) Về cơ cấu lại khu vực công, đơn vị sự nghiệp công lập: Công tác đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động, cơ chế tự chủ tài chính các đơn vị sự nghiệp công lập tiếp tục đạt những kết quả tích cực. Khung khổ pháp lý thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước từng bước được hoàn thiện, góp phần đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công, tiết kiệm kinh phí ngân sách nhà nước. Hoạt động cung cấp dịch vụ công đã đáp ứng nhu cầu thiết yếu, cơ bản của người dân và xã hội; đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng, nhất là dịch vụ giáo dục, y tế, văn hóa,... cả về loại hình, số lượng và chất lượng dịch vụ. Tiếp tục thực hiện lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công, từng bước tính chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp trong giá dịch vụ theo khả năng của ngân sách nhà nước và thu nhập của người dân đã tạo sự minh bạch, góp phần giảm chi thường xuyên của ngân sách nhà nước, đặc biệt là đối với hai lĩnh vực y tế và lĩnh vực giáo dục đào tạo.

¹² Quyết định số 908/QĐ-TTg ngày 29/6/2020, theo đó 124 doanh nghiệp phải hoàn thành thoái vốn; 14 doanh nghiệp chuyển giao về SCIC

¹³ Văn bản số 991/TTg-ĐMDN ngày 10/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

¹⁴ Quyết định số 26/2019/QĐ-TTg ngày 15/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

¹⁵ Năm 2020, tỷ trọng thu nội địa ước chiếm khoảng 84,3% tổng thu cân đối ngân sách nhà nước, tăng khoảng 2,2 điểm phần trăm so với năm 2019; tỷ trọng chi đầu tư phát triển (bao gồm cả nguồn vốn bổ sung từ nguồn dự phòng ngân sách nhà nước, tăng thu ngân sách địa phương tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết) chiếm khoảng 29,4% tổng chi cân đối ngân sách nhà nước, tăng 4,3 điểm phần trăm so với năm 2019.

4. Về cải thiện môi trường kinh doanh, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia

Khung khổ thể chế phát triển kinh tế tư nhân tiếp tục được hoàn thiện, tạo môi trường đầu tư kinh doanh cạnh tranh bình đẳng và thuận lợi cho các loại hình doanh nghiệp. Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua Luật Doanh nghiệp (Luật số 59/2020/QH14), Luật Đầu tư (Luật Đầu tư số 61/2020/QH14), Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Luật số 64/2020/QH14).

Tiếp tục ban hành nghị quyết của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020¹⁶ nhằm tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, giảm chi phí và rủi ro cho doanh nghiệp; khuyến khích đổi mới sáng tạo; thúc đẩy tăng năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Chất lượng môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh được quốc tế ghi nhận cải thiện và cộng đồng doanh nghiệp, người dân đánh giá tích cực.

Hệ sinh thái khởi nghiệp và khởi nghiệp sáng tạo được từng bước hoàn thiện, tạo ra làn sóng khởi nghiệp mạnh mẽ. Năm 2020, mặc dù bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch COVID-19, số lượng doanh nghiệp thành lập mới cả năm ước có khoảng 125 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký mới khoảng 1,4 triệu tỷ đồng.

5. Tình hình thực hiện các đột phá chiến lược

a) Về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và phát triển một số thị trường

Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo hướng hiện đại, đồng bộ và hội nhập, điều chỉnh vai trò của Nhà nước phù hợp hơn với cơ chế thị trường. Năm 2020, dự kiến trình Quốc hội thông qua 20 dự án luật, dự thảo nghị quyết¹⁷. Kịp thời ban hành Chương trình hành động của Chính phủ để triển khai thực hiện chủ trương lớn của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương, nhất là Nghị quyết số 50-NQ/TW và Nghị quyết số 52-NQ/TW¹⁸. Công tác thẩm định văn bản quy phạm pháp luật tiếp tục được chú trọng. Đã tích cực, kiên trì triển khai thực hiện các nhiệm vụ để phát hiện, xử lý các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp với thực tiễn, gây khó khăn, kìm hãm sự phát triển, nhất là các văn bản, quy định về môi trường đầu tư, kinh doanh, qua đó tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, kịp thời ứng phó và giảm thiểu tác động của đại dịch COVID-19. Công tác tổ chức và theo dõi thi hành pháp luật được thực hiện kịp thời, giúp người dân nắm bắt thông tin, quy định của pháp luật, góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, giữ vững an ninh - chính trị, trật tự xã hội.

¹⁶ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020

¹⁷ Trong đó, tại Kỳ họp thứ 9, Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua 13 dự án luật, dự thảo nghị quyết. Tại Kỳ họp thứ 10, Chính phủ dự kiến trình Quốc hội thông qua 07 dự án luật, dự thảo nghị quyết.

¹⁸ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/04/2020 Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 27/04/2020 Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.

Các yếu tố thị trường và các loại thị trường hàng hóa, dịch vụ từng bước hình thành đồng bộ qua các năm, vận hành cơ bản thông suốt và bước đầu có sự gắn kết với thị trường khu vực và quốc tế. Trong đó:

- Thị trường tiền tệ: Đến cuối tháng 7 năm 2020, quy mô tổng tài sản của hệ thống các tổ chức tín dụng đạt 12,84 triệu tỷ đồng, tăng 2,01% so với cuối năm 2019; năng lực tài chính của các tổ chức tín dụng được củng cố, vốn điều lệ tăng dần qua các năm, tổng vốn chủ sở hữu của toàn hệ thống đạt gần 981,2 nghìn tỷ đồng, tăng 8,12% so với cuối năm 2019.

- Thị trường vốn: Đến nay, thị trường đã cơ bản vượt qua giai đoạn khó khăn và có sự phục hồi đáng kể. Công tác quản lý, giám sát hoạt động của các công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ được thực hiện thường xuyên, qua đó, nâng cao tính minh bạch của thị trường.

- Thị trường bảo hiểm: Hiện nay, thị trường bảo hiểm có 70 doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm¹⁹, cung cấp cho thị trường khoảng 2.734 sản phẩm, phục vụ nhu cầu ngày một đa dạng của người tham gia bảo hiểm. Chất lượng và tính chuyên nghiệp của kênh phân phối đại lý đã được chú trọng nâng cao. Bên cạnh kênh đại lý truyền thống, các kênh phân phối mới như bán bảo hiểm qua ngân hàng, bán hàng qua điện thoại, qua hệ thống bưu điện ... đã được các doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển. Hoạt động quản lý, giám sát được tăng cường và chuẩn hóa theo các chuẩn mực quản lý, giám sát do Hiệp hội các nhà quản lý bảo hiểm quốc tế ban hành.

- Thị trường bất động sản: Ban hành và triển khai đề án "An ninh kinh tế trong lĩnh vực nhà ở và thị trường bất động sản đảm bảo an sinh xã hội"²⁰. Tập trung nghiên cứu, xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở; Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội và Nghị định số 101/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ; nghiên cứu xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhà ở năm 2014 về chính sách hỗ trợ về nhà ở đối với các đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức nhà nước có khó khăn về nhà ở.

- Thị trường khoa học, công nghệ: Thị trường khoa học, công nghệ tiếp tục được thúc đẩy phát triển và từng bước phát huy vai trò cầu nối, gắn kết hoạt động khoa học, công nghệ với sản xuất, kinh doanh. Đến nay cả nước có 20 sàn giao dịch công nghệ tại các địa phương; 63 trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, trung tâm thông tin khoa học, công nghệ; 04 khu công nghệ cao; 08 công viên phần mềm; 186 tổ chức cung cấp dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp; 01 tổ chức giám định sở hữu công nghiệp; khoảng 240 tổ chức thẩm định giá, 30 cơ sở ươm tạo công nghệ; 23 tổ chức thúc đẩy kinh doanh; 170

¹⁹ Gồm: 31 doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, 01 chi nhánh doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài; 18 doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, 02 doanh nghiệp tái bảo hiểm và 18 doanh nghiệp môi giới bảo hiểm

²⁰ Quyết định số 04/QĐ-TTg ngày 10/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

không gian làm việc chung; 01 sàn giao dịch công nghệ Vùng Duyên hải Bắc Bộ kết nối 05 sàn giao dịch trong khu vực gồm Quảng Ninh, Hải phòng Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, 01 sàn giao dịch Vùng Đồng Bắc Sông Cửu Long dự kiến kết nối các sàn giao dịch công nghệ trong khu vực như Cần Thơ, Tiền Giang, An Giang đang trong giai đoạn thành lập.

- Thị trường lao động: Tiếp tục thực hiện các giải pháp phát triển thị trường lao động, kết nối cung - cầu lao động; đã rà soát tình hình lao động, việc làm của các doanh nghiệp, hợp tác xã để có giải pháp hỗ trợ, cung ứng lao động; hướng dẫn các doanh nghiệp phương án hỗ trợ, thực hiện các chính sách đối với người lao động bị ảnh hưởng khi doanh nghiệp bị đình trệ sản xuất, kinh doanh. Năm 2020, thị trường lao động có nhiều biến động, lực lượng lao động giảm, số lao động mất việc làm gia tăng dẫn đến tình trạng thất nghiệp ở mức cao. Sự suy giảm diễn ra mạnh ở đối tượng làm công hưởng lương khi tình trạng sa thải, ngưng việc ở các doanh nghiệp gia tăng, tập trung ở một số ngành nghề như: may mặc, da giày; du lịch; khách sạn, nhà hàng; vận chuyển, giao nhận;... Ước cả năm, cả nước tạo việc làm cho khoảng 1,27 triệu người, trong đó tạo việc làm trong nước cho khoảng 1,2 triệu người và đưa khoảng 70 nghìn người đi làm việc ở nước ngoài. Số lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế ước đạt 53,2 triệu người, giảm khoảng 1,5 triệu người so với năm 2019, tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi ở khu vực thành thị khoảng 4,39% cao hơn mục tiêu đề ra (dưới 4%).

b) Về phát triển và đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực

Năm 2020, quy mô nhân lực của cả nước đạt khoảng 54,6 triệu lao động, giảm 1,2 triệu lao động so với năm 2019, năng suất lao động chỉ tăng 4,9%²¹, nhiều lao động mất việc làm hoặc phải chuyển sang làm việc ở khu vực phi chính thức. Công tác đào tạo nhân lực tiếp tục chuyển biến theo hướng tập trung nâng cao chất lượng, đào tạo gắn kết với nhu cầu lao động của địa phương, doanh nghiệp và các đơn vị sử dụng lao động. Trong đó:

- Về hoạt động giáo dục, đào tạo:

+ Tiếp tục triển khai đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế²². Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 88/2014/QH13 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về điều chỉnh lộ trình triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới. Tiếp tục chuẩn bị các điều kiện để triển khai Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, bắt đầu từ năm học 2020-2021 đối với khối lớp 1. Đã sửa đổi nhiều quy định về biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa²³; hướng dẫn việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở

²¹ Thấp hơn mức tăng 6,28% của năm 2019

²² Quyết định số 628/QĐ-TTg ngày 11/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 và Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013

²³ Thông tư số 23/2020/TT-BGDĐT ngày 06/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

giáo dục phổ thông²⁴; thẩm định và phê duyệt danh mục sách giáo khoa dành cho khối lớp 1 theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

+ Tiếp tục triển khai rà soát số lượng, cơ cấu, chất lượng và các chế độ chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông; rà soát quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục, thực hiện việc dồn, dịch điểm trường lẻ, sáp nhập các trường có quy mô nhỏ tại một số địa phương. Tổ chức các hoạt động thực hiện nhiệm vụ lập quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học và sư phạm, hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050. Tiếp tục xây dựng cơ sở dữ liệu toàn quốc về giáo dục là kho dữ liệu hữu ích phục vụ công tác quy hoạch, xây dựng kế hoạch và thực thi các chính sách quản lý ngành có hiệu quả.

+ Đã điều chỉnh khung kế hoạch thời gian năm học 2019-2020 (2 lần) để phù hợp với tình hình dịch bệnh, tổ chức thành công kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông theo 2 đợt thi. Kỳ thi cơ bản đã đáp ứng được mục tiêu vừa đảm bảo phòng, chống dịch bệnh, vừa đáp ứng được yêu cầu tổ chức thi gọn nhẹ, thiết thực, khách quan và công bằng.

+ Đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng trong giáo dục phổ thông; đổi mới về nội dung, đa dạng hóa các hình thức giáo dục hướng nghiệp theo hướng thiết thực, tăng tính thực hành, gắn với thực tiễn. Việc đổi mới nội dung chương trình, hình thức giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh, bảo đảm môi trường giáo dục an toàn trường học được triển khai mạnh mẽ đã tạo hiệu quả rõ rệt. Công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội được tăng cường, bước đầu phát huy hiệu quả. Cảnh quan, môi trường giáo dục từng bước được cải thiện theo định hướng an toàn, thân thiện, dân chủ, kỷ cương, tạo sự chuyển biến rõ rệt trong xây dựng văn hóa học đường. Tăng cường công tác giáo dục thể chất. Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh ở các cấp học và trình độ đào tạo²⁵. Tiếp tục đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục.

- Về hoạt động giáo dục nghề nghiệp và xây dựng quan hệ lao động hài hòa, tiến bộ:

+ Các giải pháp đổi mới, phát triển giáo dục nghề nghiệp gắn với nâng cao chất lượng đào tạo tiếp tục được thực hiện hiệu quả. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới. Tính đến nay, cả nước có 1.909 cơ sở giáo dục nghề nghiệp²⁶.

²⁴ Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 và Thông tư số 01/2020/TT-BGDĐT ngày 30/01/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

²⁵ Đã hoàn thiện và ban hành kế hoạch triển khai Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân năm 2020 và tổng hợp đề xuất, chuẩn bị thẩm định kế hoạch triển khai Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân năm 2021. Đã ban hành kế hoạch nhiệm vụ bổ sung, nâng cấp công thông tin điện tử; phần mềm triển khai hệ thống học liệu mở trực tuyến; tổng hợp, thẩm định học liệu do các đơn vị chuyên giao cho Ban quản lý Đề án Ngoại ngữ quốc gia để sử dụng làm học liệu miễn phí dùng chung;

²⁶ Gồm: 399 trường cao đẳng, 458 trường trung cấp, 1.052 trung tâm giáo dục nghề nghiệp

+ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong tuyển sinh, tổ chức đào tạo. Tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn; triển khai các mô hình đào tạo nghề cho lao động nông thôn, trong đó ưu tiên cho lao động bị thôi việc, mất việc do ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19; đào tạo để chuyển đổi nghề nghiệp cho lao động nông thôn tại các tỉnh bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu vùng đồng bằng Sông Cửu Long. Tuy vậy, việc tổ chức đào tạo nghề và công tác tuyển sinh gặp nhiều khó khăn bởi dịch bệnh, ước cả năm, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 64,5%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ đạt 24,5%, không đạt mục tiêu đề ra.

+ Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 03/9/2019 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong tình hình mới. Kiện toàn bộ máy, tổ chức và ban hành kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quan hệ lao động; theo dõi sát tình hình lao động, việc làm, có biện pháp phòng ngừa, xử lý kịp thời tranh chấp lao động, đình công, hỗ trợ kịp thời những người lao động có hoàn cảnh khó khăn. Theo dõi, cập nhật tình hình tại nạn lao động để xử lý, khắc phục; chấn chỉnh, chỉ đạo đối với những vụ tại nạn lao động đặc biệt nghiêm trọng, phòng ngừa tai nạn lao động tái diễn trong lĩnh vực thi công xây dựng²⁷. Các giải pháp phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được đẩy mạnh thực hiện. Thực hiện kịp thời chính sách bảo hiểm thất nghiệp, nhất là thời gian đại dịch COVID-19 bùng phát mạnh.

- Về phát triển, tăng cường tiềm lực khoa học, công nghệ:

+ Khoa học và công nghệ tiếp tục đồng hành với các ngành, lĩnh vực trong quá trình tái cơ cấu nâng cao chất lượng tăng trưởng. Các chương trình khoa học, công nghệ quốc gia tiếp tục được đẩy mạnh, hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, chuyển giao công nghệ.

+ Tiếp tục thực hiện rà soát, theo dõi và tổng hợp hiện trạng dữ liệu của bộ chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) từ các nguồn dữ liệu quốc tế²⁸ để trao đổi, đối chiếu, phục vụ đánh giá, xếp hạng chỉ số GII 2020. Trong bảng xếp hạng Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) năm 2020, Việt Nam xếp hạng 42/131 quốc gia/nền kinh tế, duy trì thành công thứ hạng đã đạt được năm 2019 và đứng thứ 3 trong khu vực ASEAN chỉ sau Singapore và Malaysia²⁹.

+ Tiếp tục phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Đến tháng 6/2020, cả nước đã có 488 doanh nghiệp khoa học, công nghệ. Trong bối cảnh đại dịch COVID-19, các doanh nghiệp khoa học, công nghệ đã nỗ lực thích ứng, đạt được kết quả sản xuất kinh

²⁷ Tham gia chỉ đạo, khắc phục hậu quả Vụ tai nạn lao động đặc biệt nghiêm trọng do vụ sập công trình xây dựng nhà máy của Công ty Cổ phần AV Healthcare tại Khu công nghiệp Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, ngày 14/5/2020, làm 10 người chết, 15 người bị thương (Công ty TNHH Hà Hải Nga là nhà thầu xây dựng).

²⁸ WB, UNESCO, IMF, WIPO,...

²⁹ Theo báo cáo Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu năm 2020 của Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO) được công bố ngày 02/9/2020.

doanh khả quan. Nhiều doanh nghiệp đã thể hiện vai trò tiên phong của doanh nghiệp khoa học, công nghệ trong nghiên cứu các giải pháp phòng chống dịch³⁰.

+ Đến nay đã có 52 địa phương ban hành kế hoạch triển khai "Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đến năm 2025", xây dựng và phê duyệt 85 nhiệm vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Cổng thông tin khởi nghiệp sáng tạo quốc gia đã vận hành hiệu quả³¹; đã có 13 tỉnh, thành phố³² xây dựng và vận hành cổng thông tin khởi nghiệp sáng tạo của địa phương.

+ Hệ thống tiêu chuẩn Việt Nam được bổ sung, mức độ hài hòa với các tiêu chuẩn quốc tế được nâng lên, đáp ứng kịp thời nhu cầu nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, yêu cầu quản lý nhà nước về bảo đảm an toàn vệ sinh sức khỏe con người và môi trường. Đến năm 2020 đã có khoảng 11.500 tiêu chuẩn Việt Nam, tỷ lệ hài hòa khoảng 60%.

+ Tiếp tục Triển khai các giải pháp để tiếp thu và làm chủ các công nghệ cốt lõi của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo. Tích cực xây dựng cơ chế, chính sách để tiếp thu và làm chủ các công nghệ cốt lõi của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo³³.

c) Về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng

- Về phát triển hạ tầng giao thông: Tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XIV đã thông qua chủ trương chuyển đổi 3/8 dự án thành phần cao tốc Bắc - Nam phía Đông từ hình thức đầu tư PPP sang hình thức đầu tư công 100% vốn NSNN³⁴. Tiếp tục tích cực chuẩn bị và đã phát hành hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư đối với các dự án đầu tư theo hình thức PPP; điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đường cao tốc Bến Lức - Long Thành; hoàn thiện các thủ tục khởi công triển khai các dự án cải tạo, nâng cấp đường cát hạ cánh, đường lãn Cảng hàng không quốc tế Nội Bài và Tân Sơn Nhất theo lệnh khẩn cấp; tập trung tháo gỡ khó khăn để hoàn thành dự án đường sắt đô thị Hà Nội tuyến Cát Linh - Hà Đông; tích cực chỉ đạo thực hiện dự án thu phí sử dụng đường bộ theo hình thức điện tử tự động không dừng... Công tác bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông trên tất cả các lĩnh vực được triển khai kịp thời, bảo đảm chất lượng, tiến độ đề ra. Tăng cường công tác bảo vệ hành lang an toàn đường sắt; kịp thời thực hiện kế hoạch bảo trì hàng hải, đường thủy nội địa, hàng không theo đúng kế hoạch đề ra.

- Về hạ tầng thông tin, truyền thông: Tiếp tục thúc đẩy chuyển dịch hạ tầng viễn thông sang hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT), phát triển hạ tầng số, hạ tầng dùng chung ICT đồng bộ hiện đại để thúc đẩy chuyển đổi số.

³⁰ Công ty CP Sao Thái Dương đã phối hợp sản xuất hai bộ kit phát hiện virus SARS-CoV-2 được cấp phép lưu hành rộng rãi ở Châu Âu và có mặt trong danh sách sử dụng trong trường hợp khẩn cấp của Tổ chức Y tế thế giới (WHO), trong đó có bộ kit test nhanh chỉ trong 30 phút; Công ty CP công nghệ mới Nhật Hải đã thực hiện nhiệm vụ "Nghiên cứu chế tạo thử nghiệm một số sản phẩm Nano OIC định hướng ức chế SARS-CoV-2.

³¹ Với gần 2 triệu lượt truy cập và 1.500 thông tin dữ liệu về hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.

³² Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Hà Giang, Lạng Sơn, Gia Lai, Đắk Lắk, Phú Yên, Quảng Ngãi, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Cà Mau, Sóc Trăng.

³³ Nghị định thay thế Nghị định số 99/2003/NĐ-CP quy định về Khu công nghệ cao; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ chủ chốt của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Chiến lược trí tuệ nhân tạo quốc gia.

³⁴ Dự án Mai Sơn - QL45, Vĩnh Hảo - Phan Thiết và Phan Thiết - Dầu Giây

Bảo đảm hạ tầng, dịch vụ viễn thông, internet cho các sự kiện năm ASEAN 2020, và phục vụ tổ chức Kỳ họp thứ 9 theo hình thức trực tuyến. Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng các phương án thúc đẩy sử dụng điện thoại thông minh 4G/5G, đẩy nhanh việc chuyển đổi sử dụng thiết bị đầu cuối từ 2G sang điện thoại thông minh 4G.

- Về hạ tầng điện: Hạ tầng điện đã được đầu tư tăng thêm năng lực, cơ bản đáp ứng mục tiêu, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm cung cấp đủ điện cho sản xuất và sinh hoạt; tiết kiệm, giảm tiêu hao điện năng. Hạ tầng cung cấp điện và vận hành hệ thống điện được đầu tư khá đồng bộ; lưới điện quốc gia đã bao phủ khắp mọi miền đất nước. Việt Nam là quốc gia thực hiện thành công và đạt hiệu quả cao về đầu tư điện nông thôn. Đến hết năm 2020, dự kiến tổng công suất nguồn điện đạt 60.674 MW đạt mục tiêu đề ra³⁵.

- Về hạ tầng nông nghiệp, nông thôn: Hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn được đầu tư nâng cấp và từng bước hiện đại hóa, phục vụ ngày càng tốt hơn cho sản xuất, đời sống dân sinh, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu³⁶.

- Phát triển hạ tầng thương mại: Hệ thống hạ tầng thương mại phát triển nhanh, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập, tạo kênh phân phối thông suốt, là nền tảng cho tăng trưởng thương mại trong nước ở mức cao, qua đó đã cùng với xuất khẩu và công nghiệp chế biến, chế tạo là trụ đỡ quan trọng, bảo đảm thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Hạ tầng thương mại tiếp tục có sự chuyển dịch từ hệ thống hạ tầng thương mại truyền thống sang hệ thống hạ tầng thương mại hiện đại, chủ yếu ở các tỉnh, thành phố lớn.

6. Tình hình thực hiện các cân đối lớn của nền kinh tế

a) Về tiền tệ, tín dụng, lạm phát

Điều hành chủ động, linh hoạt, thận trọng các công cụ chính sách tiền tệ góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ nền kinh tế ứng phó với các tác động bất lợi của đại dịch COVID-19. Điều chỉnh giảm đồng bộ các mức lãi suất điều hành 1-1,5%/năm để sẵn sàng hỗ trợ thanh khoản cho các tổ chức tín dụng; điều chỉnh giảm trần lãi suất cho vay ngắn hạn 1%/năm đối với các lĩnh vực ưu tiên (về mức 5%/năm), giảm trần lãi suất tiền gửi các kỳ hạn dưới 6 tháng 0,6-0,75%/năm. Qua đó, tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng tiếp cận các nguồn vốn từ Ngân hàng Nhà nước với chi phí thấp, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân giảm chi phí vay vốn phục hồi sản xuất kinh doanh. Kịp thời ban hành, triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho khách hàng như: cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, giữ nguyên nhóm nợ, tiếp tục cho vay mới khôi phục sản xuất, kinh doanh... Nhờ đó:

³⁵ Theo Quy hoạch điện VII điều chỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2016, mục tiêu tổng công suất nguồn điện đạt khoảng 60.000 MW đến năm 2020; 96.500 MW đến năm 2025.

³⁶ Đến nay, tổng năng lực tưới của hệ thống thủy lợi đạt 4,062 triệu ha đất canh tác, đảm bảo tưới 7,18 triệu ha; khoảng 250 km đê sông, 200 km đê biển được củng cố; công suất cảng cá, bến cá tăng thêm khoảng 300 nghìn lượt tàu thuyền

- Thanh khoản hệ thống được đảm bảo, tổng phương tiện thanh toán đến ngày 03/9/2020 tăng 7%, phù hợp với mục tiêu định hướng đề ra. Tỷ giá và thị trường ngoại tệ ổn định, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu ngoại tệ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân, dự trữ ngoại hối tiếp tục tăng.

- Tăng trưởng tín dụng đến ngày 03/9/2020 chỉ tăng 4,52% so với cuối năm 2019 (cùng kỳ năm 2019 tăng 7,97%), nguyên nhân do tác động của đại dịch COVID-19, hoạt động sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng chững lại, nhu cầu vay vốn tín dụng của doanh nghiệp và nhân dân giảm mạnh.

Diễn biến lạm phát chịu nhiều áp lực tăng, giảm đan xen do ảnh hưởng bởi giá hàng hóa, dịch vụ trên thị trường thế giới, nhất là giá dầu, giá lương thực, thực phẩm,... Tuy nhiên, các cấp, các ngành đã tích cực triển khai các biện pháp đồng bộ để ngăn chặn diễn biến phức tạp của dịch và ổn định thị trường, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) xu hướng giảm dần, tính chung 8 tháng đầu năm CPI tăng 3,96% so với cùng kỳ năm 2019, tiệm cận mục tiêu đề ra (dưới 4%).

Những tháng cuối năm, tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt, phối hợp hài hòa với chính sách tài khóa và các chính sách khác để hỗ trợ doanh nghiệp và người dân khắc phục khó khăn do ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19. Định hướng cả năm, CPI bình quân cả năm tăng dưới 4% so với năm 2019.

b) Về cân đối ngân sách nhà nước: Do tác động của đại dịch COVID-19, tình hình sản xuất, kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn, đồng thời việc thực hiện các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí và tiền thuê đất để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp đã ảnh hưởng lớn đến số thu ngân sách nhà nước. Ước cả năm, tổng thu cân đối ngân sách nhà nước đạt khoảng 1.323,1 nghìn tỷ đồng, bằng 87,5% dự toán; tổng chi cân đối ngân sách nhà nước đạt khoảng 1.686,2 nghìn tỷ đồng, bằng 96,5% dự toán. Bội chi ngân sách nhà nước khoảng 319,4 nghìn tỷ đồng, bằng khoảng 5% GDP; nợ công bằng khoảng 57-58% GDP; nợ Chính phủ bằng khoảng 51-52% GDP.

c) Xuất, nhập khẩu: Quy mô xuất, nhập khẩu giảm mạnh do nguồn cung nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất bị gián đoạn và thị trường đầu ra xuất khẩu bị thu hẹp trong bối cảnh dịch bệnh. Tuy nhiên, việc Hiệp định EVFTA có hiệu lực từ ngày 01/8/2020 đã tạo thêm dư địa cho hoạt động xuất, nhập khẩu; bên cạnh đó một số thị trường xuất khẩu vẫn duy trì đà tăng trưởng tốt như Trung Quốc, Mỹ. Tỷ trọng xuất khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục giảm, xuất khẩu của khối doanh nghiệp trong nước tiếp tục ghi nhận sự vươn lên mạnh mẽ và có mức tăng cao, qua đó cho thấy vai trò ngày càng tích cực của khối doanh nghiệp trong nước đối với tăng trưởng xuất khẩu.

Ước cả năm, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt khoảng 267 tỷ USD, tăng khoảng 1% so với năm 2019, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt khoảng 260 tỷ USD, tăng khoảng 2,6% so với năm 2019, thặng dư thương mại hàng hóa khoảng 7 tỷ USD. Tỷ trọng xuất khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô) chiếm khoảng 65% tổng kim ngạch xuất khẩu, giảm so với năm 2019 (khoảng 67,8%), xuất khẩu của doanh nghiệp trong nước cả năm ước tăng 9,87% so với năm 2019.

d) Về cân đối điện: Giá trị tăng thêm ngành sản xuất và phân phối điện cả năm ước tăng khoảng 3,68%, thấp hơn nhiều mức tăng của năm 2019 (9,14%), phù hợp với tình trạng chung của nền kinh tế. Tổng sản lượng điện sản xuất và nhập khẩu cả năm ước đạt gần 245 tỷ kWh, tăng 1,9% so với năm 2019. Việc cung ứng điện năm 2020 của toàn hệ thống điện quốc gia về cơ bản được bảo đảm và không phải thực hiện tiết giảm điện do tổng nhu cầu tiêu thụ điện tăng thấp hơn dự kiến kế hoạch.

d) Về cân đối lương thực: Về sản lượng cây lương thực có hạt ước đạt gần 48 triệu tấn; trong đó, sản lượng lúa ước đạt 43,4 triệu tấn, giảm 0,18%; sản lượng ngô ước đạt 4,6 triệu tấn, giảm 2,94%. Sản lượng thịt hơi các loại ước đạt trên 5,4 triệu tấn, tăng 6,4% so với năm 2019. Sản lượng thủy sản ước đạt trên 8,5 triệu tấn, tăng 3,6% so với năm 2019, trong đó sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 3,9 triệu tấn, tăng 3,24%, sản lượng nuôi trồng thủy sản ước đạt trên 4,6 triệu tấn, tăng 3,89%.

7. Tình hình huy động và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện 6 tháng đầu năm 2020 ước đạt 850,3 nghìn tỷ đồng, bằng 33% GDP và tăng 3,4% so với cùng kỳ năm 2019, mức tăng thấp nhất trong giai đoạn 2016-2020 do ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch COVID-19 đến tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong đó: vốn khu vực Nhà nước chiếm tỷ trọng 32,2% tổng vốn (tăng 1,2 điểm phần trăm so với cuối năm 2019) và tăng 7,4%; vốn khu vực ngoài Nhà nước chiếm tỷ trọng 44,2% (giảm 1,8 điểm phần trăm) và tăng 4,6%; vốn khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm tỷ trọng 23,6% (tăng 0,6 điểm phần trăm) và giảm 3,8%. Trong bối cảnh khó khăn, vốn đầu tư của khu vực ngoài Nhà nước vẫn có sự tăng trưởng dương là điểm sáng, đầu tư nhà nước đã phát huy vai trò trong những giai đoạn kinh tế khó khăn và là động lực quan trọng, góp phần thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế, có tác động lan tỏa lớn, nhất là đối với các dự án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông. Ước cả năm, tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội phấn đấu đạt mục tiêu đề ra (33-34% GDP).

Về tình hình giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2020: Ước giải ngân đến 31/8/2020 là 221.768 tỷ đồng đạt 47% so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao. Nguyên nhân việc giải ngân chậm chủ yếu là do công tác lập kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương chưa sát với thực tế, nhiều dự án được giao kế hoạch vốn lớn hơn khả năng giải ngân; công tác đền bù giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn, vướng mắc về đơn giá, phương án đền bù, khó khăn trong di dời các công trình tiện ích, chôn lấp về công địa thi công; chất lượng của các loại quy hoạch còn thấp, tính dự báo còn hạn chế, thiếu tính liên kết, đồng bộ gây lãng phí và kém hiệu quả đầu tư đối với một số dự án hạ tầng, ảnh hưởng đến việc hoàn thành thủ tục đầu tư các dự án. Bên cạnh đó đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng đến tiến độ thi công của nhiều dự án.

Vốn đầu tư nước ngoài: Dịch COVID-19 đã gây ra gián đoạn trong hoạt động xuất nhập khẩu nguyên liệu, thiếu hụt nhân lực, chuyên gia nước ngoài, trì hoãn hoạt động tìm hiểu cơ hội đầu tư... Tính đến ngày 20/7/2020, tổng vốn đầu

tư nước ngoài vào Việt Nam bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 18,8 tỷ USD, giảm 6,9% so với cùng kỳ năm trước. Ước cả năm, tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt khoảng 34-35 tỷ USD, giảm khoảng 10,1-12,8% so với năm 2019; vốn thực hiện đạt khoảng 19-20 tỷ USD, giảm khoảng 1,9-6,8% so với năm 2019.

8. Tình hình thực hiện các mục tiêu về văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân

a) Về công tác bảo đảm an sinh xã hội, chăm sóc người có công, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững, thực hiện quyền của trẻ em, chăm sóc người cao tuổi, phát triển thanh niên, thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ

Đã tập trung rà soát, nắm bắt cụ thể tình hình đời sống của các đối tượng chính sách để có biện pháp quan tâm, hỗ trợ kịp thời. Tiếp tục triển khai các chương trình, đề án, chính sách trợ giúp xã hội; nhất là chính sách hỗ trợ, chăm lo đời sống người cao tuổi, người khuyết tật; trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác trợ giúp xã hội; tổ chức tốt công tác trợ giúp đối tượng tại cộng đồng. Thực hiện các chương trình, chính sách trợ giúp xã hội đạt được những kết quả khả quan, thực hiện mục tiêu mở rộng đối tượng và nâng cao mức trợ giúp xã hội cho đối tượng, bảo đảm các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp kịp thời.

Thực hiện đầy đủ các chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng; đẩy mạnh các hoạt động "đền ơn đáp nghĩa", "uống nước nhớ nguồn". Rà soát, tổng hợp tình hình giải quyết hồ sơ người có công còn tồn đọng tại các địa phương; ban hành kế hoạch và tổ chức triển khai các hoạt động kỷ niệm 73 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ. Tiếp tục thực hiện Đề án xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin.

Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về giảm nghèo bền vững. Các mô hình, cách làm hay giúp người dân giảm nghèo ở các địa phương được nhân rộng, chia sẻ, tuyên truyền; hộ nghèo và các đối tượng chính sách bị ảnh hưởng đại dịch COVID-19 được gia hạn nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, giải ngân cho vay mới, tạo điều kiện thuận lợi để tiếp tục phát triển sản xuất, kinh doanh, ổn định và nâng cao chất lượng cuộc sống, vươn lên thoát nghèo. Giảm nghèo dần đi vào thực chất hơn. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều năm 2020 ước giảm 1-1,5 điểm % so với năm 2019, trong đó lệ hộ nghèo tại các huyện nghèo ước giảm trên 5 điểm %.

Công tác trẻ em đã được các cơ quan trung ương và địa phương quan tâm hơn trước. Công tác bảo vệ trẻ em được đẩy mạnh; phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em; giảm tai nạn, thương tích trẻ em, đặc biệt đuối nước trẻ em. Phát động Tháng hành động vì trẻ em năm 2020 với chủ đề “Chung tay bảo vệ trẻ em; phòng, chống xâm hại tình dục trẻ em”. Đẩy mạnh công tác truyền thông về thực hiện quyền trẻ em và công tác bảo vệ trẻ em; nâng cao hiệu quả hoạt động

Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em; tăng cường các giải pháp bảo đảm thực hiện quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em³⁷.

Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức về các vấn đề liên quan đến người cao tuổi, triển khai Luật người cao tuổi và Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi, lồng ghép bằng nhiều hình thức phong phú, tác động tích cực đến nhận thức của cộng đồng về chăm sóc, phụng dưỡng cũng như phát huy tốt vai trò người cao tuổi.

Tiếp tục triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn II và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình hành động quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2016-2020, Đề án về phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030, Dự án hỗ trợ thực hiện mục tiêu quốc gia bình đẳng giới thuộc Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội. Tăng cường công tác tuyên truyền về bình đẳng giới, nhất là các hoạt động nhằm góp phần nâng cao tỷ lệ phụ nữ tham gia cấp ủy đảng các cấp nhiệm kỳ 2020-2025, đại biểu Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Triển khai Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 04/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác phòng, chống bạo lực gia đình. Nâng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới được nâng cao; nhận thức về bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ có nhiều thay đổi; khoảng cách bất bình đẳng giới dần được thu hẹp từng bước.

b) Về phát triển văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch tổ chức các hoạt động kỷ niệm một số ngày lễ lớn và sự kiện lịch sử quan trọng trong năm³⁸. Các hoạt động văn hóa cơ sở bám sát nhiệm vụ tuyên truyền phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Các Đội Tuyên truyền lưu động xây dựng chương trình văn nghệ cổ động đi cơ sở tuyên truyền phục vụ nhân dân; các câu lạc bộ nghệ thuật đã tổ chức sinh hoạt bình thường trở lại; tổ chức 9 cuộc triển lãm tranh cổ động tầm lớn tuyên truyền kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, 45 năm Ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, 130 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh và tuyên truyền phòng, chống đại dịch COVID-19. Tuyên truyền cổ động Năm Chủ tịch ASEAN 2020 với chủ đề "Gắn kết và Chủ động thích ứng"; phát hành 700.000 tranh cổ động tuyên truyền phòng, chống đại dịch COVID-19. Tiếp tục xây dựng Đề án Nâng cao năng lực về sáng tác và lý luận phê bình văn

³⁷ Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội.

³⁸ Kế hoạch thông tin, tuyên truyền công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị năm 2020; Kế hoạch tiếp tục đẩy mạnh phòng, chống dịch COVID-19 trong hoạt động văn hóa, thể thao; tuyên truyền về công tác biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia năm 2020; hướng dẫn tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ chào mừng đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

học nghệ thuật giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 và Đề án Trao Giải Quốc gia về văn học nghệ thuật dành cho trẻ em.

Tiếp tục tăng cường công tác bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa vì sự phát triển bền vững; nghiên cứu mở rộng danh sách di sản văn hóa phi vật thể dự kiến cho phép lập hồ sơ đệ trình UNESCO và ghi danh các di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Từ tháng 5/2020, các di tích, danh lam thắng cảnh, bảo tàng trong cả nước mở cửa trở lại phục vụ khách du lịch, nhưng phải bảo đảm yêu cầu phòng, chống đại dịch COVID-19.

Tổng kết thực hiện 10 năm Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020, Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020. Hoạt động thể dục thể thao quần chúng được tổ chức đa dạng, nội dung phong phú gắn với cuộc vận động "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại". Đẩy mạnh công tác chuẩn bị tổ chức Đại hội Thể thao Đông Nam Á lần thứ 31 và Đại hội Thể thao Người khuyết tật Đông Nam Á lần thứ 11, đảm bảo công tác tổ chức và chuẩn bị lực lượng vận động viên, bảo đảm cơ sở vật chất được sửa chữa, nâng cấp đúng tiến độ. Tiếp tục triển khai công tác đào tạo, tuyển chọn, bồi dưỡng tài năng thể thao và nhân lực thể thao thành tích cao phục vụ cho các sự kiện thể thao lớn mang tầm quốc tế và quốc gia.

c) Về phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp: Thực hiện kịp thời chính sách bảo hiểm thất nghiệp, nhất là thời gian bị ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Tiếp tục triển khai các giải pháp phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Ước cả năm, có khoảng 32,7% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội.

d) Về công tác y tế, dân số

Các biện pháp quyết liệt, chủ động trong phòng, chống đại dịch COVID-19 đã đạt được kết quả tích cực, được cộng đồng quốc tế ghi nhận là một trong các nước phòng chống dịch bệnh hiệu quả. Chủ động phòng chống các bệnh truyền nhiễm khác, đặc biệt là bệnh bạch hầu khu vực Tây Nguyên, không để xảy ra "dịch chông dịch". Công tác phòng, chống bệnh không lây nhiễm bước đầu đã có hiệu quả tích cực tại tuyến y tế cơ sở. Ý thức tự bảo vệ, nâng cao sức khỏe của người dân chuyển biến tích cực. Tiếp tục triển khai và sơ kết 3 năm thực hiện Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới. Đến nay, tỷ lệ trạm y tế xã có đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế ước đạt 94,4%, tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã ước đạt 93,2%, tỷ lệ dân số được quản lý, theo dõi sức khỏe ước đạt 38,1%.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp để giảm quá tải, nâng cao chất lượng dịch vụ các tuyến, ứng dụng kỹ thuật cao trong chẩn đoán, điều trị. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong lập hồ sơ sức khỏe cá nhân, dự phòng, khám, chữa bệnh cho nhân dân, đặc biệt là triển khai nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa. Kết nối liên thông giữa 63 Sở Y tế, 63 cơ quan Bảo hiểm xã hội,

99,5% cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên toàn quốc với hệ thống giám định của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Tiếp tục triển khai Chương trình phát triển y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ. Tỷ lệ khám bệnh bằng y học cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại trên tổng số khám chữa bệnh chung tại tuyến tỉnh chiếm 8,4%, tại tuyến huyện là 13,8%, tại tuyến xã là 30,3%.

Ban hành hướng dẫn về tiêu chuẩn kỹ thuật trang thiết bị y tế, đặc biệt là thiết bị, vật tư phòng chống đại dịch COVID-19. Điều chỉnh chính sách quản lý, xuất khẩu để vừa đáp ứng nhu cầu trong nước, vừa tạo điều kiện để xuất khẩu khẩu trang, vật tư y tế. Nghiên cứu, thử nghiệm và sản xuất sinh phẩm xét nghiệm, máy thở đáp ứng yêu cầu công tác phòng chống đại dịch COVID-19. Thị trường dược phẩm cơ bản được kiểm soát, đáp ứng đủ thuốc phục vụ cho nhân dân.

Tiếp tục thực hiện các giải pháp về dân số và phát triển. Triển khai Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030³⁹, phê duyệt Đề án Kiểm soát Mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2016-2025⁴⁰, Chương trình truyền thông dân số đến năm 2030⁴¹, Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030⁴². Tổng tỷ suất sinh (số con/phụ nữ) ước đạt 2,09, tiếp tục duy trì mức sinh thay thế. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng được mở rộng, ước đạt 44% năm 2020 (năm 2019 đạt 39,1%).

d) Về tình hình thực hiện chính sách dân tộc: Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các Chỉ thị, Nghị quyết, Quyết định, Thông báo, Kết luận... của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về công tác dân tộc. Trình Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030⁴³. Ban hành Đề án tiêu chí phân định vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025⁴⁴, chương trình Bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2021-2030⁴⁵. Tổng kết chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020, xây dựng chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050. Tổ chức Lễ công bố kết quả điều tra thu thập tình hình kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số. Tăng cường công tác theo dõi, nắm tình hình trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, kịp thời cung cấp thông tin, báo cáo về công tác dân tộc, chính sách dân tộc, đặc biệt là các điểm nóng về trật tự an toàn xã hội, tình hình thiên tai, dịch bệnh, môi trường...

e) Về tình hình tôn giáo, tín ngưỡng: Tình hình tôn giáo cơ bản ổn định, chức sắc, chức việc và đồng bào có đạo yên tâm, tin tưởng vào sự lãnh đạo của

³⁹ Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

⁴⁰ Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 23/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

⁴¹ Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 17/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

⁴² Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 28/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

⁴³ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội.

⁴⁴ Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 10/3/2020 của Chính phủ.

⁴⁵ Quyết định số 499/QĐ-TTg ngày 10/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Đảng, Nhà nước, gắn bó đồng hành cùng dân tộc; triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước về công tác tôn giáo, qua đó góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự, phục vụ tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước. Công tác thông tin, đối ngoại tôn giáo được triển khai có hiệu quả, góp phần đấu tranh, phản bác luận điệu xuyên tạc vu cáo chính quyền vi phạm nhân quyền, tự do tôn giáo.

g) Về thông tin, truyền thông

Tập trung tuyên truyền kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, xây dựng Đảng, đặc biệt chỉ đạo các cơ quan báo chí tập trung tuyên truyền Đại hội Đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Năm Việt Nam đảm nhận Chủ tịch ASEAN, với phương châm "Lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực". Tăng cường thực hiện tuyên truyền về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; đấu tranh chống lại các thông tin xuyên tạc, chống phá từ các thế lực thù địch; tuyên truyền về các sự kiện chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế, xã hội của đất nước, công tác phòng, chống thiên tai, phòng, chống cháy nổ; vệ sinh, an toàn thực phẩm, an toàn giao thông và các vấn đề xã hội quan tâm.

Tăng cường thực hiện công tác đấu tranh, ngăn chặn thông tin xấu độc trên mạng xã hội xuyên biên giới. Tập trung rà soát, bóc gỡ các kênh thông tin xấu độc, các fanpage phản động. Tích cực thanh tra, kiểm tra các trang thông tin điện tử có dấu hiệu đăng bài như cơ quan báo chí; xử phạt các trang thông tin điện tử thông tin không đúng sự thật. Trong bối cảnh đại dịch COVID-19, đã bám sát thông tin báo chí, chấn chỉnh, xử lý nghiêm, kịp thời các trường hợp vi phạm các nguyên tắc và tiêu chí về truyền thông, đi ngược với những chỉ đạo, định hướng về truyền thông trong công tác phòng, chống dịch bệnh và xử lý các trường hợp thông tin sai sự thật. Thực hiện Báo cáo tổng hợp dư luận quốc tế và kinh nghiệm thế giới ứng phó với đại dịch COVID-19 hàng tuần để cung cấp cho các cơ quan báo chí trong nước. Báo cáo thông tin đối ngoại liên quan tới đại dịch COVID-19 gửi Ban Chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại. Tiếp tục rà soát các trò chơi điện tử trực tuyến có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

h) Về phòng, chống tệ nạn xã hội: Công tác cai nghiện ma túy, phòng chống mại dâm đã đạt được một số kết quả quan trọng, góp phần bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội; cai nghiện tự nguyện được tăng cường, cai nghiện bắt buộc giảm dần. Tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng trong phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm; triển khai các giải pháp đảm bảo thực hiện tốt công tác cai nghiện ma túy trong thời gian đại dịch COVID-19 bùng phát mạnh. Tổ chức tốt công tác cai nghiện và quản lý sau cai nghiện ma túy nhằm bảo đảm an toàn và trật tự xã hội.

i) Về phòng, chống thiên tai: Công tác phòng, chống thiên tai đã được đặc biệt quan tâm, hoàn thiện bộ máy tổ chức, khuôn khổ pháp lý và các chính sách ưu tiên nâng cao năng lực phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai. Nhờ vậy, mặc dù thiên tai trong diễn biến phức tạp, nhưng đã hạn chế thiệt hại về người và tài sản.

9. Về phát triển vùng, phát triển kinh tế biển và phát triển đô thị, xây dựng nông thôn mới

a) Về phát triển kinh tế vùng, vùng kinh tế trọng điểm

Đến năm 2020, các vùng đã hình thành một số nền tảng ban đầu về kết cấu hạ tầng, bước đầu đã thiết lập bộ khung hạ tầng liên vùng, các công trình đầu mối quy mô vùng, tạo tiền đề thuận lợi cho phát triển kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ hiện đại trong các giai đoạn tới, nhiều tuyến giao thông lớn liên vùng được hoàn thành kết nối các hoạt động kinh tế các vùng trong cả nước, các vùng với khu vực và quốc tế. Cơ cấu lãnh thổ từng bước được định hình rõ nét, các vùng bước đầu được định hình các khu vực trọng điểm đầu tư, hình thành một số lãnh thổ động lực và một số hành lang kinh tế để ưu tiên phát triển phù hợp với nguồn lực huy động. Nhận thức về phát triển kinh tế theo vùng, liên kết vùng được nâng lên. Phát triển vùng và liên vùng từng bước được cụ thể hóa bằng các chính sách, chương trình dự án cụ thể, là cơ sở hình thành bộ khung phát triển bền vững cho quốc gia.

Đã ban hành Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/9/2020 về các nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh phát triển các vùng kinh tế trọng điểm; ban hành Quyết định số 825/QĐ-TTg ngày 12/6/2020 về Quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2020-2025, trong đó giao một đồng chí Phó Thủ tướng là chủ tịch, bổ sung vai trò tham gia vào việc lập Quy hoạch các địa phương, vùng, việc giải quyết các vấn đề liên vùng để nâng cao vị thế của Hội đồng điều phối vùng. Các vùng kinh tế trọng điểm đã tiếp tục phát huy được thế mạnh và tiềm năng về vị trí giao lưu thuận lợi, mạng lưới kết cấu hạ tầng cơ bản đã được đầu tư nâng cấp, nguồn lao động có trình độ tay nghề cao so với cả nước, nơi tập trung tiềm lực khoa học - công nghệ, các trung tâm đào tạo của cả nước. Các vùng kinh tế trọng điểm tiếp tục tăng sự đóng góp vào GDP cả nước, thu ngân sách và kim ngạch xuất khẩu, đi đầu trong hội nhập kinh tế quốc tế. Mạng lưới kết cấu hạ tầng các vùng kinh tế trọng điểm đã được chú trọng đầu tư, nâng cấp. Hiện nay, hầu hết các cảng biển lớn, các tuyến đường cao tốc đã và đang xây dựng đều nằm trong các vùng kinh tế trọng điểm.

b) Về phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ chủ quyền quốc gia và an ninh trật tự, an toàn xã hội: Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36- NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đã thành lập Ủy ban chỉ đạo quốc gia về thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045⁴⁶; phê duyệt Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030⁴⁷, Chương trình tăng cường năng lực và hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật phục

⁴⁶ Quyết định số 203/QĐ-TTg ngày 06/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

⁴⁷ Quyết định số 28/QĐ-TTg ngày 07/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

vụ quản lý tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030⁴⁸, đề án hợp tác quốc tế về phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030⁴⁹.

c) Về phát triển đô thị: Công tác quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị đã được các cấp các ngành quan tâm tổ chức thực hiện và đạt được nhiều kết quả tích cực. Các địa phương đã chú trọng công tác rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch đô thị và đẩy nhanh tốc độ lập quy hoạch trên địa bàn, đặc biệt là tại các đô thị lớn, các khu vực có lợi thế và nhu cầu phát triển. Năng lực quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch của các địa phương đã được nâng cao hơn. Quy hoạch đô thị được phê duyệt đã trở thành một trong những công cụ hữu hiệu trong công tác quản lý đầu tư xây dựng, phát triển đô thị. Hệ thống đô thị Việt Nam từng bước phát triển cả về quy mô, gia tăng dân số đồng thời với việc đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật - xã hội. Diện mạo đô thị đã có nhiều thay đổi, chất lượng đô thị ngày càng được nâng cao. Các đô thị tiếp tục khẳng định vai trò là động lực phát triển kinh tế, là hạt nhân thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động ở mỗi địa phương, mỗi vùng và cả nước. Tốc độ đô thị hóa tăng nhanh ở khu vực các đô thị lớn, lan tỏa và phân bổ đồng đều hơn trên phạm vi cả nước. Tỷ lệ đô thị hóa năm 2020 ước đạt 40%. Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung ước đạt 90%.

d) Về xây dựng nông thôn mới: Hạ tầng nông nghiệp, nông thôn phát triển mạnh mẽ, làm thay đổi bộ mặt vùng nông thôn; sản xuất nông nghiệp được cơ cấu lại theo hướng hiện đại hơn, chú trọng ứng dụng công nghệ cao, phát triển hợp tác xã kiểu mới liên kết theo chuỗi giá trị gắn với an toàn thực phẩm; phát triển môi trường và văn hóa cộng đồng... Phong trào xây dựng khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu ở nhiều địa phương. Năm 2020 ước có 63% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.

10. Tình hình thực hiện quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

Tiếp tục hoàn thiện khung khổ pháp lý về quản lý đất đai, tài nguyên, khoáng sản, trong đó:

- Về lĩnh vực đất đai: Hoàn thiện đề án hoàn chỉnh công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai cho các xã biên giới đất liền. Quyết liệt triển khai hoàn thành việc rà soát, đo đạc, cắm mốc giới, đặc biệt là việc giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận cho các công ty nông, lâm nghiệp đối với phần đất giữ lại. Phê duyệt đề án tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh hiện do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp không thuộc diện sắp xếp lại theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP, ban quản lý rừng và các tổ chức sự nghiệp khác, hộ gia đình, cá nhân sử dụng.

⁴⁸ Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

⁴⁹ Quyết định số 647/QĐ-TTg ngày 18/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Về quản lý tài nguyên nước: Tập trung sửa đổi, bổ sung quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. Triển khai các nhiệm vụ lập quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050⁵⁰; xây dựng Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước toàn quốc.

- Về lĩnh vực địa chất, khoáng sản: Hoàn thiện các dự thảo Nghị định quy định về quản lý khoáng sản ở khu vực dự trữ để phát triển các dự án trên mặt; Nghị định thay thế Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; đề án lập nhiệm vụ Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.. Ban hành quyết định Điều chỉnh Chiến lược khoáng sản đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Triển khai đề án Điều tra tổng thể về khoáng sản và hoàn thiện nền bản đồ địa chất tỷ lệ 1/50.000 vùng Tây Bắc phục vụ quy hoạch phát triển bền vững kinh tế xã hội.

Hoạt động kiểm soát, giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã những có chuyển biến tích cực. Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường năm 2020 ước đạt mục tiêu đề ra (90%). Hoàn thiện dự thảo Nghị định quy định lộ trình, phương thức tham gia hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính toàn cầu; Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tiếp tục rà soát, cập nhật Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam.

11. Tình hình thực hiện nhiệm vụ về củng cố quốc phòng, an ninh và công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế

Thường xuyên nắm chắc, đánh giá, dự báo đúng tình hình, kịp thời tham mưu với Đảng, Nhà nước xử lý các tình huống, không để bị động, bất ngờ, nhất là thời điểm nhạy cảm, phức tạp về quốc phòng an ninh, chủ quyền biên giới hải đảo. Quyết liệt triển khai kịp thời các biện pháp, vừa hoàn thành nhiệm vụ phòng, chống dịch; vừa thường xuyên nắm chắc tình hình, khắc phục khó khăn trong triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự, quốc phòng; giữ vững ổn định đời sống bộ đội; đồng thời giúp Nhân dân phòng, chống thiên tai và các dịch bệnh khác. Phối hợp chặt chẽ giữa các ban, bộ, ngành trung ương, địa phương chỉ đạo phát huy sức mạnh tổng hợp, huy động hiệu quả các nguồn lực, xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, bảo đảm tính cơ động, linh hoạt, tạo thế bố trí chiến lược và thế trận liên hoàn, vững chắc trên cả nước.

Trong bối cảnh đại dịch COVID-19, nhiều khuôn khổ, diễn đàn hợp tác song phương và đa phương bị ngưng trệ, hoạt động đối ngoại cũng gặp nhiều khó khăn. Tuy vậy, nhờ triển khai các giải pháp ngoại giao trực tuyến, "ngoại giao COVID", đã chủ động, tích cực thúc đẩy, đồng bộ các hoạt động đối ngoại. Công tác đối ngoại của ta đã thích ứng nhanh, kịp thời, linh hoạt, sáng tạo trên

⁵⁰ Quy hoạch tài nguyên nước quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; Quy hoạch tổng hợp các lưu vực sông Hồng - Thái Bình, Bắc Giang - Kỳ Cùng, Sê San, Srêpok, Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch tổng hợp các lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh còn lại thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

tất cả các trụ cột và đã đạt những kết quả nổi bật. Tiếp tục duy trì đa quan hệ và gia tăng tin cậy với các nước, đối tác. Đảm nhiệm thành công các trọng trách đa phương, nhất là vai trò Chủ tịch ASEAN và ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc. Phát huy tốt vai trò dẫn dắt của Việt Nam trong chống dịch và phục hồi kinh tế; tổ chức thành công Hội nghị cấp cao ASEAN 36, chủ trì các hội nghị quan trọng liên quan và thúc đẩy, đề xuất nhiều sáng kiến được các nước ủng hộ và thông qua. Đẩy mạnh ngoại giao kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế. Tạo bước tiến mới về chất với việc thông qua Hiệp định EVFTA, tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực thi cam kết Hiệp định CPTPP, góp phần duy trì xuất khẩu, tăng cường đa phương hóa thị trường, đối tác.

Thực hiện tốt, kịp thời công tác bảo hộ công dân, hỗ trợ kiều bào ở nước ngoài ứng phó với COVID-19, tổ chức gần 70 chuyến bay, đưa hơn 16.000 công dân Việt Nam từ gần 50 quốc gia/vùng lãnh thổ ở 5 châu lục về nước.

Triển khai có hiệu quả chương trình hoạt động đối ngoại quốc phòng năm 2020. Xử lý kịp thời, phù hợp các diễn biến phức tạp nảy sinh trên Biển Đông, góp phần củng cố môi trường hòa bình và bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ.

12. Thực hiện cải cách hành chính, cải cách tư pháp; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước tiếp tục được kiện toàn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, giảm cấp trung gian; tinh giản biên chế được đẩy mạnh và đạt kết quả bước đầu. Năm 2020, đã ban hành quy định về vị trí việc làm và biên chế công chức, tiếp tục đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực.

Công tác cải cách hành chính được triển khai mạnh mẽ, quyết liệt, tạo sự chuyển biến rõ rệt; bộ phận Một cửa, một cửa liên thông hoạt động hiệu quả, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức theo hướng công khai, minh bạch, thuận tiện. Việc đẩy mạnh triển khai thực hiện Chính phủ điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin đã mang lại kết quả tích cực, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công cho người dân, tổ chức; đã tích hợp khoảng 1.000 dịch vụ công trên Cổng dịch vụ công quốc gia; thành lập, đưa vào vận hành Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, Trung tâm thông tin, chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020.

Các hoạt động cải cách hành chính tư pháp tiếp tục được đẩy mạnh. Các quy định về trình tự, thủ tục thi hành án tiếp tục được hoàn thiện theo các yêu cầu cải cách hành chính, cải cách tư pháp. Công tác thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính, nhất là trong việc xử lý các vụ việc phức tạp, kéo dài, xử lý thu hồi tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát trong các vụ án hình sự tiếp tục được tập trung chỉ đạo quyết liệt, đạt kết quả cao. Thể chế trong các lĩnh vực hỗ trợ tư

pháp, hành chính tư pháp, quản lý xử lý vi phạm hành chính tiếp tục được tập trung hoàn thiện, trong đó chú trọng việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, theo hướng công khai, minh bạch, dễ tiếp cận hơn cho người dân. Mục tiêu xã hội hóa một số lĩnh vực hỗ trợ tư pháp tiếp tục được thực hiện, bảo đảm kết hợp hài hòa giữa quản lý nhà nước với nâng cao vai trò tự quản của các tổ chức xã hội nghề nghiệp. Hoạt động công chứng ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo an toàn pháp lý cho các hợp đồng, giao dịch; hoạt động đấu giá tài sản đã góp phần bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, Nhà nước, phòng tránh lãng phí, thất thoát tài sản công,... Chất lượng dịch vụ trợ giúp pháp lý ngày càng được nâng cao góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người nghèo và một số nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội; công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đã góp phần tạo chuyển biến căn bản về nhận thức pháp lý, nâng cao ý thức, thói quen tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp. Công tác hành chính tư pháp đã giải quyết được một lượng lớn yêu cầu, góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

Đã xây dựng định hướng, kế hoạch thanh tra đảm bảo có trọng tâm, trọng điểm, nhất là triển khai các nhiệm vụ được giao tại nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ. Trước những diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID-19 và yêu cầu về tập trung phát triển sản xuất, kinh doanh phục hồi nền kinh tế nhiều đơn vị đã kịp thời rà soát, điều chỉnh việc triển khai kế hoạch thanh tra đối với doanh nghiệp; một số đơn vị đã thí điểm thực hiện công tác thanh tra theo phương thức mới. Hiện tượng chùng chểnh trong hoạt động thanh tra đã giảm rõ rệt. Đã tập trung thúc đẩy tiến độ, hoàn thiện dự thảo, ban hành, công khai kết luận thanh tra, trong đó có những cuộc phức tạp, được dư luận xã hội đặc biệt quan tâm. Công tác đôn đốc, xử lý sau thanh tra được thanh tra các địa phương quan tâm thực hiện và đạt kết quả tích cực.

Công tác phòng, chống tham nhũng đã góp phần ngăn chặn và từng bước đẩy lùi tham nhũng; việc công khai các kết luận kiểm tra, thanh tra đã nhận được sự đồng tình, ủng hộ của cán bộ, đảng viên, nhân dân. Nhiều biện pháp phòng ngừa tham nhũng được thực hiện có hiệu quả tích cực như cải cách hành chính; công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị; xây dựng, thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn và quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp.

Công tác tiếp dân ngày càng được quan tâm và từng bước gắn với giải quyết khiếu nại, tố cáo. Năm 2020, đã ban hành Kế hoạch kiểm tra, đôn đốc công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo đảm bảo thành công Đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, rà soát, giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài.

VII. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NHỮNG THÁNG CUỐI NĂM 2020

Trong thời gian còn lại của năm 2020, các cấp, các ngành cần tiếp tục chủ động, đổi mới cách làm, nâng cao năng lực, tranh thủ thời cơ, quyết liệt hành động, phát huy tinh thần đoàn kết, thể hiện bản lĩnh, trí tuệ Việt Nam, triển khai

đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện “mục tiêu kép” đã đề ra theo các nghị quyết, chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, kích cầu tiêu dùng phù hợp, thúc đẩy xuất khẩu trên cơ sở thực hiện nhất quán quan điểm giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Đồng thời, chúng ta tuyệt đối không chủ quan, thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các giải pháp phòng, chống dịch và các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, người lao động, người dân gặp khó khăn; nỗ lực phấn đấu quyết liệt hơn nữa để đạt mức cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, thiết thực lập thành tích chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

PHẦN II

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2021

I. BỐI CẢNH KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2021

Dự báo năm 2021, tình hình thế giới, khu vực diễn biến khó lường; xu hướng bảo hộ thương mại, cạnh tranh chiến lược giữa các quốc gia, khu vực tiếp tục diễn ra gay gắt. Đại dịch Covid-19 chưa thể sớm kết thúc và các tác động, ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh có thể kéo dài sang cả năm 2021 và một số năm tiếp theo, nhất là đối với tăng trưởng kinh tế, đầu tư, thương mại toàn cầu. Theo Diễn đàn Kinh tế Thế giới và một số tổ chức quốc tế, các quốc gia, khu vực sẽ phải đối mặt với những thách thức mới về bất bình đẳng, nghèo đói, huy động nguồn lực, xác định mục tiêu tăng trưởng... và tiềm ẩn những rủi ro lớn về tài chính, tiền tệ, nợ công trên phạm vi toàn cầu.

Trong nước, nền kinh tế tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức do độ mở cao, hội nhập sâu rộng và những hạn chế, bất cập nội tại. Nguồn lực của đất nước hạn hẹp, khó có khả năng đáp ứng cùng lúc các yêu cầu về đầu tư phát triển, phòng chống dịch, bảo đảm an sinh xã hội,... Trong khi đó, tác động của dịch bệnh, biến đổi khí hậu, thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn ngày càng nghiêm trọng; tình hình phức tạp trên Biển Đông tiếp tục là thách thức lớn đối với bảo đảm quốc phòng an ninh và sự phát triển ổn định, bền vững của đất nước. Bên cạnh đó, chúng ta cũng có những cơ hội, thuận lợi; trong đó vai trò của các nền kinh tế mới nổi và khu vực Châu Á – Thái Bình Dương ngày càng được nâng lên, tiếp tục là động lực phát triển của kinh tế toàn cầu. Tình hình chính trị - xã hội ổn định; khối đại đoàn kết các dân tộc và niềm tin của người dân, doanh nghiệp được củng cố; quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu; vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng cao.

Bối cảnh quốc tế, trong nước nêu trên cùng với xu hướng dịch chuyển đầu tư, thương mại, chuyển đổi số, sự phát triển các mô hình kinh doanh mới, sự thay đổi phương thức sản xuất, tiêu dùng và giao tiếp trên toàn cầu, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ và cách mạng công nghiệp lần thứ tư... vừa là thời cơ, nhưng cũng vừa là thách thức đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục nỗ lực đổi mới, hành động quyết liệt hơn, hiệu quả hơn trong năm 2021 và thời gian tới.

II. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VÀ CÁC CÂN ĐỐI LỚN

1. Mục tiêu tổng quát

Tập trung thực hiện hiệu quả “mục tiêu kép” vừa phòng chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe nhân dân, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong trạng thái bình thường mới trên cơ sở giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn; thúc đẩy mạnh mẽ cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tính tự chủ và sức cạnh tranh; phát triển mạnh thị trường trong nước; đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án quan trọng quốc gia, công trình trọng điểm; phát huy vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm, các đô thị lớn. Chú trọng phát triển nhân lực chất lượng cao gắn với phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Phát huy mạnh mẽ giá trị văn hóa, con người Việt Nam, khơi dậy khát vọng, tự hào dân tộc; thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển văn hóa, xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và đời sống nhân dân, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, dịch bệnh và thích ứng biến đổi khí hậu. Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, thuận lợi để khơi thông các nguồn lực cho phát triển. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương; đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, lãng phí. Làm tốt công tác thông tin truyền thông, tạo đồng thuận xã hội. Củng cố quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển; nâng cao vị thế, uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

a) Các chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế⁵¹

- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng khoảng 6-6,5% so với năm 2020.
- Quy mô GDP bình quân đầu người khoảng 3.700 USD/người.
- Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4%.
- Tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng khoảng 45-47%.
- Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội khoảng 4,8%.

b) Các chỉ tiêu chủ yếu về xã hội

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo khoảng 66%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ khoảng 25,5%.
- Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế khoảng 91%.
- Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) giảm 1-1,5 điểm phần trăm so với năm 2020.

⁵¹ Căn cứ quy định tại Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ, các mục tiêu, chỉ tiêu về kinh tế - xã hội của giai đoạn 2021-2025 được tính toán, dự báo dựa trên số liệu giai đoạn 2016-2020 đã được đánh giá lại, điều chỉnh quy mô kinh tế.

c) Các chỉ tiêu chủ yếu về môi trường

- Tỷ lệ dân cư khu vực thành thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung trên 90%.
- Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị trên 87%.
- Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường khoảng 91%.
- Tỷ lệ che phủ rừng khoảng 42%.

3. Về một số cân đối lớn

a) Cân đối tích lũy, tiêu dùng: Tỷ lệ tiêu dùng cuối cùng so với GDP khoảng 71,3%, tỷ lệ tích lũy tài sản cố định so với GDP khoảng 28,7%, tỷ lệ tiết kiệm so với GDP khoảng 28%.

b) Cân đối ngân sách nhà nước: Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước ước đạt khoảng 1.342 nghìn tỷ đồng; tổng chi cân đối ngân sách nhà nước ước đạt khoảng 1.686 nghìn tỷ đồng; bội chi ngân sách nhà nước khoảng 344 nghìn tỷ đồng. Nợ công bằng khoảng 46-48% GDP, nợ Chính phủ bằng khoảng 40-42% GDP.

c) Cân đối xuất, nhập khẩu hàng hóa: Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt trên 554,4 tỷ USD, tăng 5,2% so với năm 2020, trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tăng khoảng 5%, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tăng khoảng 5,4%, xuất siêu gần 2,3% kim ngạch xuất khẩu.

d) Cân đối điện: Tổng công suất đặt các nguồn điện dự kiến đạt khoảng 66,9 nghìn MW, tăng khoảng 10,3% so với năm 2020. Tỷ lệ dự phòng công suất nguồn điện (không bao gồm điện gió và điện mặt trời) khoảng 21,3%. Điện sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống đạt từ 268,0 tỷ kWh đến 269,9 tỷ kWh, tăng khoảng 10,9% so với năm 2020. Điện thương phẩm đạt khoảng 235,23 tỷ kWh, tăng khoảng 9,3% so với dự kiến năm 2020.

đ) Cân đối lương thực: Về sản lượng lương thực có hạt, sản lượng lúa đạt khoảng 43 triệu tấn, tương đương với năm 2020. Sản lượng thịt hơi đạt khoảng 5,7 triệu tấn, tăng khoảng 6,6% so với năm 2020, trong đó sản lượng thịt lợn đạt 3,7 triệu tấn, tăng khoảng 6,2% so với năm 2020. Sản lượng thủy sản đạt khoảng 8,9 triệu tấn, tăng khoảng 4%.

III. ĐỊNH HƯỚNG CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Năm 2021, chúng ta tập trung chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, bầu cử Quốc hội khoá XV; đồng thời quyết liệt triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong Nghị quyết Đại hội XIII và các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội trên các lĩnh vực, từ kinh tế đến văn hoá, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh, đối ngoại...

Trong công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, các cấp, các ngành cần theo dõi sát, thực hiện nghiêm các giải pháp phòng

chống dịch, kiên quyết không để dịch bệnh lây lan, ảnh hưởng đến tình hình kinh tế - xã hội; đồng thời tập trung phục hồi và phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội; chủ động phân tích, dự báo diễn biến, tình hình quốc tế, trong nước để có đối sách phù hợp, kịp thời trên các lĩnh vực; trong đó tập trung vào 10 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau đây:

1. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phục hồi và thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững trên cơ sở giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế

Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng và thi hành nghiêm pháp luật, bảo đảm tiến độ, chất lượng, đầy đủ, đồng bộ, khả thi, chi phí tuân thủ pháp luật thấp, hiện đại, hội nhập, có sức cạnh tranh quốc tế. Nghiên cứu, xây dựng trình Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Chú trọng công tác thẩm định đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; nâng cao chất lượng thẩm định văn bản quy phạm pháp luật; kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định điều kiện đầu tư, kinh doanh, thủ tục hành chính. Nâng cao hiệu quả công tác theo dõi thi hành pháp luật, gắn với công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật và kiểm soát thủ tục hành chính; đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; kịp thời ban hành các văn bản quy định chi tiết, sớm đưa các quy định của pháp luật mới ban hành.

Tiếp tục hoàn thiện thể chế về sở hữu, thị trường; vận hành đồng bộ các thị trường theo chuẩn mực của nền kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại, hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh phát triển các thị trường tài chính, chứng khoán. Tập trung xây dựng và hoàn thiện hệ thống các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán để tạo khung khổ pháp lý đồng bộ. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý, giám sát trên thị trường chứng khoán, đặc biệt là công tác giám sát đối với công ty đại chúng và giám sát giao dịch trên thị trường. Khuyến khích phát triển đa dạng các dịch vụ tài chính, kế toán, kiểm toán, thẩm định giá, xếp hạng tín nhiệm,...

Tiếp tục điều hành đồng bộ, linh hoạt các chính sách vĩ mô. Điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp hài hòa với chính sách tài khóa và các chính sách vĩ mô khác nhằm hỗ trợ hoạt động, sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhưng không chủ quan với lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, ổn định thị trường tiền tệ và ngoại hối, qua đó góp phần hỗ trợ cơ cấu lại các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân phục hồi hoạt động sản xuất, kinh doanh sau đại dịch COVID-19. Kiên trì thực hiện các giải pháp chống đô la hóa. Tiếp tục triển khai các giải pháp quản lý thị trường vàng đảm bảo và duy trì sự ổn định bền vững thị trường vàng, hạn chế tác động của giá vàng đến sự ổn định của tỷ giá thị trường ngoại hối cũng như nền kinh tế vĩ mô. Tiếp tục thực hiện các giải pháp kiểm soát quy mô tín dụng phù hợp, nâng cao chất lượng tín dụng, tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận vốn tín dụng, góp phần hỗ trợ sản xuất, kinh doanh và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế hợp lý.

Tiếp tục thực hiện chính sách tài khóa chặt chẽ, phối hợp đồng bộ, hiệu quả với chính sách tiền tệ và các chính sách khác. Đẩy mạnh cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý chặt chẽ thu, chi ngân sách nhà nước, bội chi, nợ công; tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách. Tăng cường quản lý thu ngân sách, chống thất thu, buôn lậu, gian lận thương mại, chống chuyển giá, trốn lậu thuế, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào ngân sách nhà nước. Điều hành và kiểm soát chặt chẽ các khoản chi ngân sách theo dự toán được giao, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức. Triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, không bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ chưa thực sự cấp thiết. Ưu tiên dành nguồn lực, tập trung đẩy nhanh tiến độ và triển khai có hiệu quả các gói hỗ trợ người dân và doanh nghiệp khôi phục sản xuất kinh doanh, từng bước khôi phục nền kinh tế.

Tập trung hoàn thiện quy định pháp luật về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Đẩy mạnh tiến độ thực hiện cơ chế tự chủ và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Chuyển mạnh sang cơ chế thanh toán theo đặt hàng, giao nhiệm vụ gắn với số lượng, chất lượng sản phẩm dịch vụ, giá cung cấp dịch vụ và nhu cầu sử dụng. Sớm hoàn thành quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập để thực hiện sắp xếp, giải thể, sáp nhập, tinh giảm đầu mối, biên chế; đồng thời ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật để làm cơ sở cho việc xác định giá dịch vụ sự nghiệp công. Tăng cường công khai minh bạch; thực hiện nghiêm các quy định về giám sát, thanh tra, kiểm tra các hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và ngoài công lập, đặc biệt là về thực hiện chính sách chế độ tài chính; kịp thời giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, xử lý nghiêm vi phạm.

Tiếp tục thực hiện nhất quán nguyên tắc quản lý giá theo cơ chế thị trường, có sự điều tiết của Nhà nước theo quy định của pháp luật (trong đó đẩy mạnh thực hiện cơ chế giá thị trường có sự điều tiết của Nhà nước đối với giá điện, dịch vụ công). Đẩy mạnh công khai, minh bạch trong điều hành đối với giá điện, xăng dầu cũng như các hàng hóa, dịch vụ quan trọng, thiết yếu khác có ảnh hưởng đến sản xuất và tiêu dùng của người dân. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra giá kết hợp với thuế để ngăn chặn và kiên quyết xử lý các hành vi tăng giá bất hợp lý, nhất là đối với các nguyên vật liệu quan trọng và các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu; kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn các hành vi gian lận thương mại, đầu cơ găm hàng thao túng thị trường.

2. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, tăng cường sức chống chịu, khả năng thích ứng của nền kinh tế dựa trên nền tảng của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, phát triển nền kinh tế số, nghiên cứu, xây dựng các chính sách cho phép thử nghiệm các sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh, công nghệ mới tại Việt Nam, như: thanh toán điện tử, kinh tế chia sẻ, kinh tế ban đêm, đô thị thông minh,...

a) Cơ cấu lại và phát triển các ngành sản xuất và dịch vụ

Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa dựa trên nền tảng của khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và những thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nâng cao năng lực nội tại, khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế. Tổ chức thực hiện hiệu quả và thực chất các nội dung cơ cấu lại và phát triển các ngành, gồm:

- Công nghiệp: Triển khai tích cực Đề án cơ cấu lại các ngành công nghiệp; tiếp tục phát triển sản xuất công nghiệp theo chiều sâu để từng bước tạo ra những sản phẩm có thương hiệu quốc gia và có sức cạnh tranh trên thị trường khu vực và thế giới, tham gia sâu hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng các ngành chế biến, chế tạo và giảm tỷ trọng gia công, lắp ráp đối với các sản phẩm công nghiệp được sản xuất ở Việt Nam. Rà soát cơ chế, chính sách tác động đến công nghiệp của từng ngành, sản phẩm. Từng bước tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp để tăng khả năng cạnh tranh, xây dựng hàng rào kỹ thuật đối với sản phẩm nhập khẩu để hỗ trợ sản phẩm trong nước, tăng tỷ lệ nội địa hóa. Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, khai thác triệt để các công nghệ mới; xây dựng lộ trình chuyển đổi số cho các tổ chức sản xuất, kinh doanh ngành công nghiệp, chiến lược quốc gia về sản xuất thông minh với nền tảng là mạng thông tin để số hóa phương thức sản xuất kinh doanh, giảm chi phí và tăng năng suất chất lượng lao động trong sản xuất công nghiệp. Tận dụng tối đa lợi thế của cơ cấu dân số vàng, độ mở nền kinh tế lớn để phát triển chuyên sâu một số ngành công nghiệp nền tảng chiến lược như công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp điện tử, công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp chế tạo thông minh, công nghiệp hỗ trợ; tập trung các ngành công nghiệp ưu tiên tại các vùng công nghiệp cốt lõi được hình thành từ mỗi vùng kinh tế trọng điểm và các khu kinh tế ven biển. Phát triển công nghiệp hỗ trợ theo hướng lựa chọn các nhóm ngành phục vụ trực tiếp sản xuất công nghiệp, tăng cường khả năng tham gia chuỗi giá trị và mạng lưới sản xuất toàn cầu như cơ khí, hóa chất, điện tử viễn thông; hình thành các cụm liên kết ngành công nghiệp, các mạng sản xuất, chuỗi giá trị công nghiệp đối với một số ngành công nghiệp ưu tiên.

- Nông nghiệp: Cơ cấu lại trồng trọt theo hướng phát triển sản xuất quy mô lớn, tập trung gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị, trên cơ sở phát huy lợi thế sản phẩm và lợi thế vùng, miền. Đẩy mạnh áp dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao, nhằm tăng năng suất, chất lượng, giảm giá thành và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành chăn nuôi, thực hiện các giải pháp đẩy mạnh tái đàn lợn; chuyển dịch cơ cấu đàn vật nuôi; phát triển chăn nuôi theo quy mô trang trại, duy trì chăn nuôi nông hộ nhưng theo hình thức hữu cơ truyền thống; tiếp tục mở rộng chăn nuôi áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt VietGAP, đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học; khuyến khích tổ chức sản xuất khép kín, liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị để cắt giảm chi phí, tăng hiệu quả và giá trị gia tăng. Tiếp tục đa dạng hóa đối tượng và phương thức nuôi trồng thủy sản với cơ cấu diện tích và sản lượng phù hợp từng vùng kinh tế, sinh thái trên cơ sở phát huy lợi thế so

sánh. Giảm dần sản lượng khai thác thủy sản ven bờ, đẩy mạnh khai thác thủy sản xa bờ; tập trung khai thác các sản phẩm chủ lực của mỗi vùng; tăng cường đầu tư thiết bị bảo quản chế biến trên tàu khai thác, nâng cao hiệu quả khai thác và giảm tổn thất sau thu hoạch; khai thác thủy sản gắn liền với bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản. Nâng cao năng suất, chất lượng và phát huy giá trị của từng loại rừng, đảm bảo cung cấp phần lớn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ và các lâm đặc sản khác cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Giảm chế biến thô và sơ chế, nâng cao tỷ trọng chế biến các mặt hàng có giá trị gia tăng cao; đa dạng hóa các sản phẩm chế biến và thị trường tiêu thụ phù hợp với thị hiếu, văn hóa tiêu dùng của từng thị trường trên cơ sở phát huy các lợi thế so sánh Việt Nam.

- Dịch vụ: Tiếp tục tái cơ cấu thị phần vận tải theo hướng giảm thị phần vận tải đường bộ, tăng thị phần các phương thức vận tải đường thủy nội địa và đường sắt; chú trọng phát triển vận tải đa phương thức và dịch vụ logistics trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao năng lực, hiệu quả, chất lượng dịch vụ vận tải, giảm chi phí logistics. Phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh; ứng dụng công nghệ số để kết nối nhằm hỗ trợ và tăng trải nghiệm cho khách du lịch. Tiếp tục hoàn thiện chính sách tạo thuận lợi về nhập cảnh, xuất cảnh và đi lại cho khách du lịch quốc tế gắn với tăng cường các biện pháp kiểm tra sức khỏe đối với khách du lịch tại các khu, điểm du lịch tập trung đông người. Liên kết hàng không, du lịch, điểm đến, tạo điều kiện cho các hãng hàng không trong nước và quốc tế mở các đường bay mới và trực tiếp kết nối với các thị trường du lịch trọng điểm và tiềm năng; xây dựng các chương trình khảo sát điểm đến cho báo chí, các hãng lữ hành nước ngoài đến Việt Nam. Phát triển thị trường thông tin và truyền thông bền vững, định hướng chuyển đổi cơ cấu ngành sang các trụ cột mới (công nghiệp điện tử, công nghiệp và dịch vụ nội dung số, công nghiệp an toàn và an ninh mạng, thương mại điện tử, vận chuyển...), đối tượng mới (thành phố thông minh, chính phủ số, công dân số), không gian mới (trong khu vực, thị trường quốc tế). Nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ công nghệ thông tin, điện tử viễn thông nhằm bảo vệ sản xuất và người tiêu dùng trong nước, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, chủ quyền số quốc gia. Hoàn thiện chính sách ưu tiên mua sắm, đẩy mạnh thuê ngoài dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng sản phẩm, giải pháp, dịch vụ của doanh nghiệp trong nước.

b) Cơ cấu lại các lĩnh vực trọng tâm

Tổ chức xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn theo hướng tập trung nguồn lực thúc đẩy quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng. Tăng cường công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành và các địa phương trong triển khai thực hiện; thực hiện nghiêm chế độ báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công định kỳ hoặc đột xuất; kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong triển khai kế hoạch đầu tư công, thực hiện dự án; chủ động báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn, hằng năm để thúc đẩy giải ngân và nâng cao hiệu quả đầu tư.

Tiếp tục hoàn thiện thể chế pháp luật ngân hàng, trọng tâm là tổng kết, nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung: Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Luật Các tổ chức tín dụng; Luật Bảo hiểm tiền gửi; Luật Phòng chống rửa tiền tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng, tăng cường thực thi các cam kết quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực ngân hàng. Tiếp tục giám sát chặt chẽ và chỉ đạo các tổ chức tín dụng triển khai quyết liệt, hiệu quả phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu đã được phê duyệt. Tập trung chỉ đạo cơ cấu lại các tổ chức tín dụng yếu kém bằng các hình thức phù hợp với cơ chế thị trường trên nguyên tắc thận trọng, bảo đảm quyền lợi của người gửi tiền và giữ vững sự ổn định, an toàn hệ thống các tổ chức tín dụng. Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là công nghệ số trong lĩnh vực ngân hàng và phát triển những sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại nâng cao sức cạnh tranh của ngành ngân hàng Việt Nam. Thúc đẩy thanh toán điện tử trong khu vực Chính phủ, dịch vụ công. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả hệ thống thanh tra, giám sát ngân hàng, phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế.

Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý, doanh nghiệp nhà nước cạnh tranh bình đẳng với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đã đầu tư. Nghiên cứu sửa đổi hệ thống các văn bản hướng dẫn về doanh nghiệp nhà nước, tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước; hoàn thiện các quy định về cổ phần hóa, chuyển nhượng vốn nhà nước và các hình thức sắp xếp khác đối với doanh nghiệp nhà nước. Tiếp tục thu hẹp ngành, lĩnh vực Nhà nước nắm giữ 100% vốn, mở rộng ngành, lĩnh vực thực hiện cổ phần hóa. Đẩy nhanh tiến độ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các doanh nghiệp nhà nước. Xây dựng và áp dụng khung quản trị doanh nghiệp phù hợp với chuẩn mực quốc tế tại các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước; tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách để tăng cường minh bạch báo cáo tài chính, thông tin tài chính, kinh doanh, điều hành của doanh nghiệp nhà nước; tăng cường trách nhiệm của Hội đồng thành viên, Ban điều hành; tăng cường giám sát, kiểm tra của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước. Tiếp tục tập trung xử lý các dự án thua lỗ, kém hiệu quả thuộc ngành công thương. Tăng cường công tác chấp hành kỷ luật, kỷ cương về quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch theo cơ chế thị trường, mang lại hiệu quả, lợi ích cao nhất cho Nhà nước.

c) Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, phát triển nền kinh tế số, hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam

Xây dựng và hoàn thiện khung khổ pháp lý cho các loại hình kinh doanh mới, kinh tế số, cung cấp dịch vụ công, quản lý và bảo vệ môi trường theo nguyên tắc thị trường. Thực hiện chế độ một cửa, một đầu mối chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan để giải quyết, tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn của người dân, doanh nghiệp liên quan đến kinh tế số và xã hội số.

Xây dựng chính sách thử nghiệm (Sandbox) để cho phép thử nghiệm các sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh, công nghệ mới tại Việt Nam, như: thanh toán điện tử, kinh tế chia sẻ, kinh tế ban đêm, đô thị thông minh,...

Đẩy nhanh mô hình thử nghiệm chính sách thông qua các Trung tâm đổi mới sáng tạo là vườn ươm, nơi thử nghiệm những cơ chế, chính sách vượt trội để thu hút, tạo dựng môi trường phù hợp cho việc áp dụng các công nghệ mới có tính đột phá, phát triển doanh nghiệp công nghệ Việt Nam.

Khuyến khích các doanh nghiệp nòng cốt về công nghệ thông tin mở rộng không chỉ trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin mà còn chuyển sang các ngành công nghiệp và dịch vụ nội dung số, như: công nghiệp Điện tử, công nghiệp an toàn, an ninh mạng; công nghiệp Internet Vạn vật (IoT);...

d) Thúc đẩy, đa dạng hóa thị trường xuất, nhập khẩu, phát triển mạnh thị trường trong nước, kết hợp hài hòa giữa hạ tầng thương mại truyền thống và hạ tầng thương mại hiện đại, chú trọng phát triển thương mại điện tử

Tiếp tục theo dõi sát sao diễn biến của đại dịch COVID-19 để có các biện pháp ứng phó kịp thời trong các tình huống có thể xảy ra. Ưu tiên triển khai các hoạt động xúc tiến xuất khẩu vào các thị trường xuất khẩu sớm khôi phục sau đại dịch COVID-19; tập trung theo dõi sát tình hình từng thị trường để rà soát, xác định các chủng loại hàng hóa mà các nước đang có nhu cầu nhập khẩu để khai thác, thúc đẩy xuất khẩu. Tăng cường giải pháp kết nối và hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu qua các nền tảng thương mại điện tử lớn.

Nghiên cứu, xây dựng, triển khai các giải pháp thúc đẩy đa dạng hóa thị trường xuất, nhập khẩu gắn với phục hồi chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị bị đứt gãy và xây dựng, phát triển chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị mới. Thúc đẩy công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin về các FTA; chuẩn bị sẵn sàng cho các doanh nghiệp khai thác tối đa lợi ích từ FTA thông qua việc hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp vừa và nhỏ trong khai thác và tận dụng các ưu đãi, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy định trong các FTA; xây dựng cơ chế cảnh báo, hỗ trợ và đồng hành với các doanh nghiệp ứng phó với các vụ kiện phòng vệ thương mại của nước ngoài.

Tăng cường các biện pháp phòng vệ với sản xuất và doanh nghiệp trong nước qua các công cụ phù hợp với các cam kết quốc tế để hạn chế các hàng hóa kém chất lượng, hàng hóa không khuyến khích nhập khẩu.

Đẩy mạnh thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại nội địa và khuyến khích tiêu dùng nội địa thông qua các Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"; Đề án phát triển thương mại nông thôn, phát triển thương mại biên giới, miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số... Nâng cao tính kết nối giữa sản xuất với thị trường theo chuỗi cung ứng, tập trung ưu tiên xây dựng chuỗi cung ứng hàng nông sản thực phẩm thiết yếu của thị trường nội địa; xây dựng hệ thống thông tin, phân tích dự báo thị trường một số sản phẩm thiết yếu như gạo, thịt gia súc, gia cầm, rau quả.

Tiếp tục tăng cường phối hợp, tập trung chỉ đạo triển khai kịp thời các nhiệm vụ do Ban Chỉ đạo 389 quốc gia giao nhằm bảo đảm sự đồng bộ từ Trung

ương đến địa phương trong công tác đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả. Phối hợp chặt chẽ với các Hiệp hội trong việc cung cấp thông tin để phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong sản xuất, kinh doanh; xử lý vi phạm đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, sàn giao dịch thương mại điện tử, mạng xã hội.

Tiếp tục phát triển đa dạng các loại hình kết cấu hạ tầng thương mại, kết hợp hài hòa giữa hạ tầng thương mại truyền thống và hạ tầng thương mại hiện đại, phù hợp với tính chất phát triển của từng địa bàn; hoàn thiện hệ thống chợ truyền thống trên cơ sở nâng cấp các chợ ở khu vực nông thôn, miền núi; khuyến khích phát triển các mô hình chợ bảo đảm an toàn thực phẩm; nâng cấp các chợ đô thị, xóa bỏ chợ tự phát, chợ tạm khuyến khích phát triển các trung tâm mua sắm, siêu thị, các cửa hàng tiện lợi ở khu vực đô thị. Chú trọng phát triển thương mại điện tử, hạ tầng thương mại điện tử, xây dựng, hoàn thiện thể chế, khung khổ pháp luật cho thương mại điện tử.

3. Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; đẩy mạnh triển khai các dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm; rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách nâng cao hiệu quả liên kết vùng, phát huy vai trò dẫn dắt của các vùng kinh tế trọng điểm, các đô thị lớn; bố trí nguồn lực phù hợp cho xây dựng nông thôn mới; phát triển mạnh kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể; thúc đẩy khởi nghiệp, sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

Tăng cường huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư của nền kinh tế, phân đấu tổng vốn đầu tư toàn xã hội bằng khoảng 33,8% GDP. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, đặc biệt là các dự án quan trọng quốc gia, các công trình trọng điểm. Đối với các nguồn vốn vay cần tập trung ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, quy mô lớn và hiện đại. Chú trọng thu hút có chọn lọc các nguồn lực từ bên ngoài, tận dụng hiệu quả cơ hội, thu hút mạnh mẽ các luồng vốn FDI dịch chuyển trong khu vực, toàn cầu.

Tập trung thúc đẩy tiến độ xây dựng các dự án giao thông quan trọng như: Dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, các dự án đường sắt, đường bộ quan trọng cấp bách, các dự án ODA chuyển tiếp; đẩy nhanh thủ tục triển khai các dự án ODA mới bổ sung, các dự án sử dụng nguồn tăng thu ngân sách nhà nước, các dự án sử dụng vốn dự phòng trung hạn giai đoạn 2016-2020. Hoàn thành và đưa vào khai thác các tuyến đường sắt đô thị đang triển khai tại TP Hà Nội và TP HCM. Tập trung đầu tư nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, Nội Bài, Đà Nẵng và đầu tư giai đoạn 1 Cảng hàng không quốc tế Long Thành. Tăng cường công tác bảo trì, sửa chữa hạ tầng đường bộ; hoàn thiện hệ thống an toàn giao thông đường bộ; xây dựng, vận hành, khai thác có hiệu quả các trung tâm quản lý điều hành giao thông thông minh.

Cơ cấu lại các nguồn năng lượng theo hướng tăng cường hợp tác về phát triển nguồn cung từ bên ngoài và đa dạng hóa phát triển nguồn cung năng lượng trong nước, bảo đảm cho nhu cầu phát triển của đất nước trong dài hạn theo

hướng bền vững và khuyến khích sự tham gia mạnh mẽ của khu vực kinh tế ngoài nhà nước; đầu tư, nâng cấp mở rộng hệ thống lưới điện, từng bước chuẩn hóa lưới điện nông thôn; đảm bảo mở rộng lưới điện tới các vùng nông thôn, biên giới, hải đảo, đồng thời đảm bảo an toàn và chống thất thoát điện; thực hiện các giải pháp nhằm tiếp tục giảm tổn thất điện năng, thực hiện chương trình tiết kiệm điện trong sản xuất, truyền tải và phân phối để phát triển bền vững. Xây dựng chính sách khuyến khích phát triển ngành công nghiệp tiêu thụ ít năng lượng, sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn bắt buộc kèm theo chế tài sử dụng hiệu quả năng lượng với ngành tiêu thụ năng lượng cao. Nghiên cứu, xây dựng các chính sách xã hội hóa tối đa trong đầu tư, khai thác, sử dụng cơ sở vật chất và dịch vụ hạ tầng năng lượng; tập trung thúc đẩy hạ tầng năng lượng tái tạo, năng lượng sạch với ưu tiên phát triển năng lượng gió, mặt trời cho phát điện, khuyến khích đầu tư xây dựng nhà máy điện sử dụng rác thải đô thị, sinh khối và chất thải rắn.

Thúc đẩy xây dựng hạ tầng kinh tế số, xã hội số, hạ tầng kết nối vạn vật. Tiếp tục xây dựng mạng viễn thông băng rộng, từng bước hình thành hạ tầng mạng thông tin di động 5G phục vụ cho phát triển nền kinh tế số, xã hội số. Thực hiện kết nối liên thông các hệ thống thông tin, hạ tầng cơ sở dữ liệu quốc gia phục vụ cho đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng chính phủ điện tử, kinh tế số. Tăng cường sử dụng chung cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông.

Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức khai thác công trình thủy lợi, tổ chức thủy lợi cơ sở; phát huy nội lực và vai trò chủ thể của người dân trong công tác thủy lợi. Đổi mới cơ chế quản lý và phương thức cung cấp các sản phẩm, dịch vụ thủy lợi để mở rộng, tăng nguồn thu, đảm bảo đủ chi phí quản lý, vận hành hệ thống công trình thủy lợi. Tiếp tục phát triển thủy lợi phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng đa chức năng để phục vụ nuôi trồng thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi, cung cấp nước cho dân sinh và sản xuất.

Triển khai thực hiện lập quy hoạch các vùng kinh tế - xã hội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo có tầm nhìn dài hạn, đồng bộ với quy hoạch tổng thể quốc gia trên cơ sở đó xác định được các ngành, lĩnh vực phù hợp với đặc thù, lợi thế so sánh của từng vùng để tập trung đầu tư, hạn chế phát triển dàn trải, trùng lặp, cạnh tranh giữa các vùng; làm cơ sở xây dựng chính sách phát triển vùng. Tiếp tục phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh, lợi thế so sánh của từng vùng trên cơ sở cụ thể hóa quy hoạch vùng; thúc đẩy tăng cường liên kết nội vùng, liên vùng, hội nhập quốc tế, khai thác chức năng đặc thù các vùng, phát huy hiệu quả phát triển tổng hợp các vùng và cả nước; thu hút các dự án đầu tư sử dụng công nghệ cao, có giá trị gia tăng và hiệu quả sử dụng đất cao, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ xây dựng, nâng cấp các tuyến đường ven biển kết nối liên vùng và các khu kinh tế, đô thị lớn ven biển cả nước để tạo động lực phát triển. Tiếp tục phát triển hệ thống cảng biển quốc gia, các cảng cửa ngõ

quốc tế tại các vùng kinh tế trọng điểm có khả năng tiếp nhận các tàu công-ten-nơ thế hệ mới phù hợp. Tiếp tục đầu tư hạ tầng các khu kinh tế ven biển được xác định ưu tiên phát triển.

Tiếp tục rà soát, cập nhật hoàn thiện cơ sở dữ liệu đô thị; tổ chức triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về đô thị hóa và phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tập trung rà soát việc áp dụng Quy chuẩn xây dựng Việt Nam về quy hoạch xây dựng; rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống khung hướng dẫn, quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan tới phát triển đô thị, quy hoạch đô thị, nhà ở. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới, chú trọng cải thiện sinh kế người dân.

Phát triển mạnh kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể; thúc đẩy khởi nghiệp, sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia hiệu quả vào cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. Tiếp tục thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể năng động, hiệu quả, bền vững thực sự là thành phần quan trọng trong nền kinh tế với nhiều mô hình liên kết, hợp tác trên cơ sở tôn trọng bản chất, các giá trị và nguyên tắc của kinh tế hợp tác, không ngừng nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống thành viên, góp phần thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững đất nước. Phát triển kinh tế tập thể với nhiều hình thức hợp tác đa dạng, nòng cốt là hợp tác xã. Xây dựng các mô hình hợp tác xã điển hình, có quy mô vùng, quốc gia, liên kết rộng rãi. Phát triển mạnh kinh tế tư nhân, kết hợp hài hòa giữa hiệu quả kinh tế với trách nhiệm xã hội và bảo vệ tài nguyên, môi trường, thúc đẩy liên kết doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp đầu tư nước ngoài. Khuyến khích phát triển doanh nghiệp tư nhân có quy mô vừa và lớn, xây dựng thương hiệu của doanh nghiệp Việt Nam. Thúc đẩy khởi nghiệp, sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển để tập trung khai thác, tận dụng thị trường nội địa và tham gia hiệu quả vào cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị toàn cầu. Đẩy mạnh triển khai các chính sách, giải pháp khuyến khích doanh nghiệp áp dụng các mô hình kinh doanh mới, công nghệ mới để phát triển các giải pháp công nghệ số, phục vụ đời sống, kinh tế xã hội; khuyến khích doanh nghiệp khu vực tư nhân ứng dụng khoa học công nghệ, khai thác cơ hội của cách mạng công nghiệp 4.0. Tiếp tục thúc đẩy tự do, an toàn kinh doanh; cắt giảm, tháo gỡ và xóa bỏ điều kiện kinh doanh, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính. Chuyển đổi mạnh cách thức quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp từ cơ chế "tiền kiểm" sang cơ chế "hậu kiểm"; triển khai Chính phủ điện tử giữa các bộ ngành, địa phương trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp; tăng cường các dịch vụ công trực tuyến. Đẩy mạnh hệ sinh thái hỗ trợ phát triển kinh doanh.

4. Nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ

Thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao trong các ngành, lĩnh vực chủ yếu; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động, nhất là ở nông thôn.

Tiếp tục triển khai Kế hoạch thực hiện Kết luận số 51- KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; rà soát, quy hoạch, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo trong cả nước. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp. Phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông; triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới; đổi mới quản lý và nâng cao hiệu quả của giáo dục thường xuyên, giáo dục dân tộc; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, bảo đảm an toàn trường học; công tác giáo dục thể chất cho học sinh, sinh viên; nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện chương trình giáo dục trung học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh, đẩy mạnh triển khai giáo dục STEM⁵², đồng thời tích cực chuẩn bị các điều kiện triển khai Chương trình giáo dục phổ thông mới. Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh ở các cấp học và trình độ đào tạo. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục, thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; tiếp tục xây dựng và sử dụng có hiệu quả kho học liệu số toàn ngành, hoàn thành hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến. Đẩy mạnh việc phân cấp quản lý và thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục và việc thực hiện tự chủ của các cơ sở giáo dục. Đổi mới giáo dục đại học gắn với tăng cường tiềm lực khoa học, công nghệ và mở rộng hợp tác quốc tế. Tăng cường cơ sở vật chất, bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo.

Tiếp tục thực hiện các giải pháp đột phá phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp, phát triển nhân lực có kỹ năng nghề; tăng cường chuyển đổi số và đào tạo trực tuyến, chú trọng đào tạo lại và đào tạo thường xuyên lực lượng lao động để tạo chuyển biến mạnh mẽ về quy mô, chất lượng và hiệu quả của giáo dục nghề nghiệp thích ứng với yêu cầu của thị trường lao động. Đổi mới phương pháp đào tạo theo hướng hiện đại, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong đào tạo, mô phỏng hóa hệ thống học liệu; đào tạo theo tiếp cận năng lực. Đào tạo, đào tạo lại, chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tăng cường các hoạt động đào tạo nghề nghiệp cho người dân tộc thiểu số, người khuyết tật và các nhóm yếu thế khác trong xã hội. Tăng cường sự hợp tác, gắn kết giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp; xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình khởi sự, khởi nghiệp, xúc tiến việc làm cho học sinh, sinh viên. Đẩy mạnh công tác phát triển kỹ năng nghề; thực hiện cơ chế tự chủ của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Tiếp tục hoàn thiện khung khổ pháp lý và triển khai các chương trình, đề án lớn về phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo như: Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày

⁵² STEM là viết tắt của các từ Science (khoa học), Technology (công nghệ), Engineering (kỹ thuật) và Maths (toán học). Giáo dục STEM về bản chất được hiểu là trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết liên quan đến các lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học.

30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Kết luận số 52-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 Khóa X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư... Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu phục vụ công tác phòng, chống đại dịch COVID-19, đặc biệt là các nhiệm vụ nghiên cứu sản xuất vắc-xin. Tiếp tục đổi mới hệ thống sáng tạo quốc gia theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm và trường đại học là "chủ thể nghiên cứu" mạnh. Thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo quốc gia để phát triển mạnh lực lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có tiềm năng tăng trưởng nhanh. Thúc đẩy gắn kết, hợp tác giữa các trường đại học, viện nghiên cứu với khu vực công nghiệp và doanh nghiệp để đẩy mạnh thương mại hóa kết quả nghiên cứu trong thực tiễn sản xuất, kinh doanh.

5. Phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với xã hội

a) Về tiếp tục xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam; phát triển thể dục, thể thao

Tiếp tục thực hiện tốt Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”; đề xuất giải pháp chỉ đạo xây dựng và phát triển văn hóa thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tập trung xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh; chú trọng xây dựng đời sống văn hoá cơ sở, tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá", xây dựng gia đình, làng, bản, xã, phường, cơ quan công sở văn hoá. Tập trung chuẩn bị và tổ chức tốt các hoạt động kỷ niệm các ngày Lễ lớn kỷ niệm, các sự kiện trọng đại. Nghiên cứu, xây dựng chính sách thu hút nguồn lực xã hội tham gia các hoạt động và sáng tạo văn hoá nhằm cung cấp, phổ biến và tạo ra nhiều sản phẩm, tác phẩm, công trình văn hoá có chất lượng nhằm nâng cao mức hưởng thụ văn hoá của nhân dân... Nâng cao chất lượng cơ sở dữ liệu về gia đình; tăng cường các giải pháp quản lý dịch vụ công về gia đình.

Nâng cao chất lượng phong trào "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại", vận động và thu hút đông đảo nhân dân tham gia tập luyện thể dục, thể thao, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển đa dạng các hình thức tổ chức tập luyện thể dục, thể thao ở cơ sở. Đổi mới nội dung, phương pháp tổ chức các hoạt động thể dục thể thao quần chúng, hướng tới xây dựng kế hoạch tập luyện nhằm nâng cao thể lực, tầm vóc người Việt Nam, cải thiện sức khỏe và kéo dài tuổi thọ. Tăng cường bồi dưỡng, đào tạo tài năng thể thao, đặc biệt là vận động

viên trẻ để làm cơ sở vững chắc nâng cao trình độ, thành tích của thể thao thành tích cao nước nhà ở khu vực, châu lục và thế giới; chuẩn bị các điều kiện để tổ chức đăng cai SEA Games 31 năm 2021.

b) Về bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân, chất lượng dân số

Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, đề án thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW và Nghị quyết số 21-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, đặc biệt hoàn thành quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế quốc gia; hình thành hệ thống cơ quan kiểm soát bệnh tật đồng bộ từ trung ương đến địa phương, hệ thống cơ quan quản lý thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm, trang thiết bị y tế tại trung ương và vùng. Thí điểm hình thành chuỗi các bệnh viện. Khuyến khích phát triển mạnh mẽ hệ thống bệnh viện, cơ sở chăm sóc sức khỏe, điều dưỡng ngoài công lập, đặc biệt là các mô hình hoạt động không vì lợi nhuận.

Đẩy mạnh thực hiện Đề án Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới. Tập trung theo dõi, quản lý sức khỏe người dân, mở rộng số lượng các trạm y tế xã quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục sức khỏe để nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi có lợi cho sức khỏe. Nâng cao năng lực của hệ thống y tế dự phòng để ứng phó với các tình huống khẩn cấp và sự cố y tế công cộng, bảo đảm an ninh y tế, an toàn thực phẩm. Phòng chống dịch bệnh chủ động, phát hiện sớm, không chệch kịp thời dịch bệnh. Tiếp tục nâng cao chất lượng tiêm chủng, bảo đảm vắc xin cho tiêm chủng mở rộng, phát triển dịch vụ tiêm chủng. Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh các tuyến, tăng mức hài lòng của người dân. Đẩy mạnh thực hiện đề án bệnh viện vệ tinh, tăng cường khám chữa bệnh từ xa, chuyển giao kỹ thuật cho tuyến dưới. Phát huy lợi thế và kết hợp chặt chẽ y học cổ truyền với y học hiện đại.

Nghiên cứu, sản xuất, kiểm nghiệm, kiểm định thuốc, vắc-xin, sinh phẩm, trang thiết bị y tế chủ động trong phòng, chống dịch bệnh và điều trị. Tiếp tục thực hiện lộ trình tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế gắn với lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân; tăng cường phân cấp, tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình, công khai, minh bạch.

Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về công tác dân số trong tình hình mới. Thực hiện cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có hai con, bảo đảm quyền và trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt, tiếp tục vận động giảm sinh ở vùng có mức sinh cao, duy trì vững chắc mức sinh thay thế trong cả nước, giảm mất cân bằng giới tính khi sinh. Nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em có chất lượng, sàng lọc trước sinh, sơ sinh, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

c) Về chính sách lao động, việc làm

Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách, chương trình, đề án giải quyết việc làm; triển khai thực hiện chính sách việc làm công, chính sách hỗ trợ tạo việc làm cho thanh niên lập nghiệp, khởi sự doanh nghiệp. Chú trọng tạo việc làm và tăng cường kỹ năng cho người lao động; hỗ trợ chuyển dịch việc

làm khu vực nông thôn theo hướng phi nông nghiệp; nâng cao tỷ trọng lao động trong khu vực chính thức, tập trung giải quyết việc làm cho lao động khu vực phi chính thức, đặc biệt là lao động nông nghiệp chuyển đổi ngành nghề; cải thiện điều kiện làm việc cho lao động trong khu vực phi chính thức, thúc đẩy chuyển dịch sang khu vực chính thức; hỗ trợ tạo việc làm cho nhóm lao động yếu thế, nhất là lao động là người dân tộc thiểu số, lao động là người khuyết tật. Thực hiện các chính sách, dự án hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài, nhất là lao động thuộc các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, miền núi. Tiếp tục triển khai các giải pháp mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, gia tăng nhanh số lao động trong khu vực phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao hơn nữa nhận thức của người lao động, người sử dụng lao động và các cơ quan, ban ngành trong việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Tiếp tục xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới. Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý về an toàn - vệ sinh lao động, tuyên truyền, huấn luyện, phổ biến pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động, ngăn chặn và giảm tần suất tai nạn lao động, đặc biệt là tai nạn lao động chết người trong một số lĩnh vực có nguy cơ cao.

d) Về chính sách giảm nghèo

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các chính sách, đề án về giảm nghèo theo hướng bền vững, tăng cường khả năng tiếp cận của đối tượng thụ hưởng và sự tham gia của người nghèo. Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo nhằm khơi dậy tinh thần tự lực vươn lên thoát nghèo và huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tăng cường tuyên truyền các trường hợp thành công về giảm nghèo để thúc đẩy nhân rộng và lan tỏa trong toàn xã hội. Thực hiện nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả, phát huy các sáng kiến giảm nghèo dựa vào cộng đồng; triển khai các mô hình việc làm công gắn với đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn; các mô hình hợp tác, liên kết giữa các hộ nghèo với doanh nghiệp trong sản xuất, bao tiêu sản phẩm, thu hút lao động nghèo vào làm việc ổn định trong các doanh nghiệp.

đ) Về chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, trợ giúp các đối tượng yếu thế trong xã hội, chăm sóc người cao tuổi, bảo vệ trẻ em, phát triển thanh niên, thúc đẩy bình đẳng giới

Thực hiện đầy đủ, hiệu quả, bảo đảm công khai, minh bạch chính sách ưu đãi người có công với cách mạng. Mở rộng chi trả chính sách người có công thông qua tổ chức dịch vụ bưu chính công ích. Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe, điều dưỡng, chỉnh hình, phục hồi chức năng, cung cấp dụng cụ trợ giúp đối với người có công với cách mạng. Tiếp tục thực hiện Đề án xác định hài cốt liệt sỹ còn thiếu thông tin. Chủ động ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ người có công; từng bước xây dựng ngân hàng dữ liệu gen (ADN); tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu về liệt sỹ, thân nhân liệt sỹ, mô và

nghĩa trang liệt sỹ. Tuyên truyền vận động toàn xã hội chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của người có công với cách mạng. Đẩy mạnh các phong trào thi đua, các hoạt động tình nghĩa tạo điều kiện để bản thân và gia đình người có công nỗ lực vượt khó khăn vươn lên hội nhập trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đẩy mạnh các phong trào "Đền ơn đáp nghĩa", "Uống nước nhớ nguồn", "xã, phường làm tốt công tác thương binh, liệt sỹ, người có công" nhằm huy động mọi nguồn lực trong xã hội, cộng đồng cùng nhà nước chăm sóc tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần của người có công với cách mạng; tăng cường vận động, hỗ trợ người có công về nhà ở.

Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ các chính sách trợ giúp xã hội, thực hiện hiệu quả các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế trong xã hội. Theo dõi sát tình hình thiên tai, dịch bệnh; chỉ đạo các địa phương thực hiện tốt công tác trợ giúp xã hội dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu và giáp hạt đầu năm 2021 để có các giải pháp hỗ trợ kịp thời; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện trợ giúp đột xuất ở địa phương. Xây dựng, triển khai mô hình chăm sóc đối tượng bảo trợ xã hội dựa vào cộng đồng; đổi mới công tác trợ giúp xã hội thường xuyên và đột xuất; phát triển mô hình chăm sóc người có hoàn cảnh đặc biệt tại cộng đồng, khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân vào triển khai các mô hình chăm sóc người cao tuổi, trẻ mồ côi, người khuyết tật, nhất là mô hình nhà dưỡng lão. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc giải quyết chính sách an sinh xã hội cho người dân, nhân rộng thí điểm đăng ký trực tuyến và chi trả chính sách trợ giúp xã hội bằng phương thức điện tử.

Tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về các vấn đề liên quan đến người cao tuổi; khuyến khích và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân nhận phụng dưỡng, chăm sóc người cao tuổi cô đơn, đời sống khó khăn; phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động các cơ sở chăm sóc người cao tuổi.

Triển khai thực hiện tốt quyền trẻ em; triển khai đồng bộ các giải pháp xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện và lành mạnh để thực hiện ngày càng tốt hơn công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em, tăng cường các giải pháp bảo đảm thực hiện quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em và các chương trình, đề án mới về trẻ em, thực hiện đầy đủ các Công ước quốc tế về quyền trẻ em mà Việt Nam đã phê chuẩn. Tăng cường các hoạt động truyền thông về thực hiện quyền trẻ em, tập trung tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông đại chúng, mạng xã hội, tư vấn thông qua các câu lạc bộ, nhóm; truyền thông quảng bá Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em. Phổ biến kiến thức, kỹ năng về bảo vệ trẻ em, phòng ngừa bạo lực, xâm hại trẻ em; đặc biệt là hướng dẫn cha mẹ, người chăm sóc trẻ em kiến thức, kỹ năng bảo vệ trẻ em để thay đổi nhận thức, thái độ, hành vi, quan niệm về bảo vệ trẻ em, về bảo đảm quyền bí mật đời sống riêng tư của trẻ em; khuyến khích việc phát hiện, lên tiếng, thông báo, tố cáo các hành vi bạo lực xâm hại trẻ em. Đẩy mạnh công tác giám sát, theo dõi, giải trình liên quan đến thực hiện quyền trẻ em thông qua việc tăng cường phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu về trẻ em từ trung ương đến địa phương. Tăng

cường đánh giá, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện luật pháp, chính sách, chương trình về trẻ em, kịp thời phát hiện sai sót và điều chỉnh những nội dung, hoạt động không phù hợp. Tổ chức triển khai thực hiện Luật Thanh niên năm 2020. Thực hiện tốt các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; bảo đảm bình đẳng thực chất giữa nam và nữ về cơ hội, sự tham gia và thụ hưởng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội, góp phần vào sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức về bình đẳng giới, chú trọng đa dạng hóa các hình thức truyền thông để phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn, dân cư. Triển khai các hoạt động nhằm tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo và cơ quan dân cử.

e) Chính sách dân tộc: Thực hiện nghiêm túc quan điểm, chủ trương của Đảng đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đối với vấn đề dân tộc, đoàn kết dân tộc, công tác dân tộc; triển khai các nhiệm vụ giao tại Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới; Nghị quyết số 88/2019/QH14, ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội khóa XIV về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

g) Chính sách tôn giáo: Tiếp tục triển khai thực hiện Luật Tín ngưỡng, tôn giáo; nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo tham gia tuyên truyền, vận động, thực hiện nếp sống văn hóa, văn minh, phát triển kinh tế, xã hội, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tiếp tục tổ chức các hoạt động đối ngoại tôn giáo; bảo đảm an ninh trong tôn giáo. Đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc, vu cáo của các thế lực thù địch về tôn giáo và nhân quyền ở Việt Nam.

h) Về phát triển và nâng cao chất lượng báo chí, truyền thông: Phát triển vững chắc với cơ cấu, quy mô hợp lý các loại hình thông tin theo hướng chuyên nghiệp, đáp ứng quyền tiếp cận thông tin của nhân dân, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Rà soát, xây dựng cơ chế khuyến khích, tạo điều kiện để các cơ quan báo chí thực hiện việc liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật; có cơ chế phù hợp để từng bước hình thành ngành công nghiệp sản xuất nội dung trong nước dựa trên quan hệ cung, cầu. Thúc đẩy thị trường dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền phát triển, cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh giữa doanh nghiệp trong và ngoài nước. Huy động nguồn lực xã hội tham gia vào hoạt động sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình để thúc đẩy ngành công nghiệp sản xuất nội dung trong nước, bảo đảm đáp ứng nhu cầu thông tin, giải trí của người dân. Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống báo chí đối ngoại. Đẩy mạnh các hoạt động, sự kiện, sản phẩm để quảng bá hình ảnh đất nước ra thế giới. Tăng cường sử dụng các hình thức truyền thông mới, hiện đại trong hoạt động thông tin, tuyên truyền ở cơ sở để

phổ biến thông tin đến người dân. Thực hiện nghiêm cơ chế phát ngôn, tăng cường kỷ luật báo chí, bảo đảm kịp thời, hiệu quả; phối hợp với các cơ quan Nhà nước chủ động cung cấp thông tin nhất là tình hình kinh tế, xã hội, chính sách mới; đa dạng hóa các hình thức phổ biến pháp luật, tạo chuyển biến trong nhận thức và ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật. Xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng quyền tự do ngôn luận, vi phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.

i) Phòng, chống tệ nạn xã hội: Tiếp tục đẩy mạnh công tác phòng, chống tệ nạn xã hội. Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền, giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng, phát động và thực hiện phong trào toàn dân tham gia phòng, chống tệ nạn xã hội.

6. Quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai

Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ khung khổ cơ chế, chính sách, pháp luật về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Rà soát, triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn, nhất là về thủ tục hành chính, quy định pháp lý trong các lĩnh vực quản lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường...; đề xuất sửa đổi các quy định pháp luật, các trình tự, thủ tục còn chưa rõ ràng, chồng chéo trong phân cấp trách nhiệm, quyền hạn và cơ chế phối hợp, bảo đảm đồng bộ trong hệ thống pháp luật và khả thi, công khai, minh bạch.

Nghiên cứu, xây dựng Chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai quốc gia; Nghị quyết về sạt lở bờ sông bờ biển vùng Đồng bằng sông Cửu Long; Đề án phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển; Chiến lược quốc gia Phòng chống giảm nhẹ thiên tai đến 2030, tầm nhìn 2050; Quy hoạch phòng chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch phòng chống thiên tai quốc gia giai đoạn 2021-2025. Triển khai Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về Đề án tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai. Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu. Tiếp tục nâng cao năng lực truyền thông và nhận thức cộng đồng, tổ chức có hiệu quả quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng kết hợp xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện công cụ hỗ trợ chỉ đạo điều hành phòng chống thiên tai, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến phục vụ điều hành ứng phó thiên tai.

7. Đẩy mạnh công tác xây dựng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chấp hành kỷ luật, kỷ cương, sắp xếp và tinh gọn bộ máy; cải cách hành chính, xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số; phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và giải quyết khiếu nại, tố cáo

Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành và lĩnh vực; tập trung chỉ

đạo thực hiện đúng mục tiêu và nâng cao hiệu quả của tình giản biên chế; giải quyết các khó khăn về tổ chức bộ máy của các cơ quan chuyên môn và biên chế sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và y tế.

Triển khai công tác bầu cử Đại biểu quốc hội và Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Thực hiện Luật sửa đổi bổ sung Luật Tổ chức chính quyền địa phương, đẩy mạnh phân cấp. Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp phù hợp với tình hình thực tiễn; quản lý chặt chẽ việc sắp xếp, điều chỉnh, thành lập mới và phân loại đơn vị hành chính các cấp; tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết dứt điểm tranh chấp đất đai liên quan đến địa giới hành chính cấp tỉnh do lịch sử để lại.

Triển khai Đề án cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính nhà nước. Hoàn thiện các quy định theo Luật cán bộ, công chức, Luật viên chức sửa đổi; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong thi tuyển và thi nâng ngạch công chức, bảo đảm công khai, minh bạch. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện và xử lý những sai phạm trong thực thi công vụ; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

Triển khai thực hiện Đề án sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan trong hệ thống chính trị đến năm 2030; triển khai Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức; chú trọng bồi dưỡng công chức theo các ngạch, bậc, tiêu chuẩn chức danh bảo đảm đầy đủ điều kiện, tiêu chuẩn trong bổ nhiệm cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý.

Triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2021-2026. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong cơ quan hành chính các cấp; thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo hướng hiện đại, tạo thuận tiện cho người dân và tổ chức; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành, sử dụng văn bản điện tử, chữ ký số và kết nối liên thông trên Trục liên thông văn bản quốc gia. Tiếp tục tăng cường kiểm tra công tác cải cách hành chính tại một số bộ, ngành và địa phương; xác định và công bố Chỉ số cải cách hành chính, chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước; triển khai xác định chỉ số hài lòng về chất lượng y tế công và chất lượng giáo dục công lập.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của Chính phủ điện tử thống nhất từ trung ương đến địa phương, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp 4. Đẩy nhanh việc xây dựng khung chính sách, pháp luật đối với xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính phủ số, việc xây dựng cơ sở dữ liệu lớn, quan trọng và nền tảng kết nối, chia sẻ quốc gia.

Tiếp tục cải cách hành chính tư pháp. Tạo chuyển biến cơ bản, bền vững, thực chất công tác thi hành án dân sự, hành chính; tập trung giải quyết các vụ việc trọng điểm, các vụ việc phức tạp, kéo dài, các vụ việc liên quan đến tín

dụng, ngân hàng. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và trách nhiệm tự quản của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong các lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; tiếp tục thực hiện xã hội hóa các lĩnh vực luật sư, công chứng, giám định tư pháp... theo tinh thần cải cách tư pháp. Tiếp tục triển khai đồng bộ các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, trong đó tập trung hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp chịu tác động nặng nề của đại dịch COVID-19. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong các lĩnh vực hành chính tư pháp, bảo đảm phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dân. Tiếp tục nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin trong các lĩnh vực về hành chính tư pháp; đẩy nhanh tiến độ thực hiện Đề án Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc.

Tăng cường thanh tra công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực quan trọng của các ngành, các cấp. Hoạt động thanh tra chuyên ngành tập trung vào những nội dung, vấn đề gây bức xúc trong đời sống xã hội. Tăng cường phối hợp, hạn chế và xử lý kịp thời chồng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, không gây khó khăn cho sản xuất kinh doanh. Nâng cao chất lượng kết luận thanh tra, hiệu lực, hiệu quả hoạt động thanh tra, xử lý nghiêm minh, kịp thời, đúng pháp luật đối với tập thể, cá nhân vi phạm pháp luật.

Triển khai thực hiện đồng bộ các chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, nhất là Kết luận số 10-KL/TW ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 Khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; quy định về xử lý trách nhiệm người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, đơn vị; cơ chế bảo vệ người dân phản ánh, tố giác và tích cực đấu tranh chống suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong cán bộ, đảng viên; cơ chế kiểm soát quyền lực, chống chạy chức, chạy quyền... Chú trọng đổi mới hình thức, cách thức tuyên truyền, phổ biến về phòng, chống tham nhũng. Tăng cường theo dõi, đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng trên phạm vi cả nước và từng bộ, ngành, địa phương.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Luật tiếp công dân, Luật khiếu nại, Luật tố cáo, các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Quốc hội, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhất là Quy định số 11-QĐi/TW ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân. Thực hiện có hiệu quả công tác kiểm tra, rà soát, giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Kế hoạch kiểm tra, đôn đốc công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo góp phần đảm bảo thành công Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

8. Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ và giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng

Chủ động làm tốt công tác nghiên cứu chiến lược; nắm, đánh giá, dự báo đúng tình hình, kịp thời tham mưu với Đảng, Nhà nước có chủ trương, đối sách xử lý thắng lợi các tình huống; không để bị động, bất ngờ, nhất là những vấn đề phức tạp, nhạy cảm liên quan đến độc lập, chủ quyền, lợi ích quốc gia, dân tộc, biên giới, biển đảo, góp phần ngăn ngừa nguy cơ xung đột; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước.

Thực hiện hiệu quả các đề án tăng cường bảo đảm quốc phòng, an ninh kết hợp với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trên các tuyến biên giới, biển đảo, địa bàn chiến lược, trọng điểm. Xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

Duy trì nghiêm công tác trực sẵn sàng chiến đấu, quản lý chặt chẽ vùng trời, vùng biển, biên giới, nội địa, không gian mạng và các địa bàn trọng điểm; bảo vệ an toàn hoạt động vùng kinh tế biển; sẵn sàng xử lý các tình huống; tham gia phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm - cứu nạn.

9. Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển đất nước

Chủ động thúc đẩy và làm sâu sắc quan hệ song phương với các đối tác chủ chốt, quan trọng bằng các hình thức linh hoạt, kết hợp các hoạt động đối ngoại trực tuyến, qua đó tiếp tục tạo đan xen lợi ích với các nước, góp phần thiết thực phục vụ phục hồi kinh tế, tăng cường hợp tác quốc tế ứng phó đại dịch COVID-19. Chú trọng thực hiện các giải pháp phòng ngừa nhằm giảm thiểu tranh chấp đầu tư quốc tế; nâng cao năng lực giải quyết tranh chấp thương mại bảo vệ lợi ích quốc gia và lợi ích chính đáng của doanh nghiệp, người dân.

Đẩy mạnh hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng, nâng tầm đối ngoại đa phương. Tiếp tục đảm nhiệm tốt vai trò ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc, phát huy vai trò trong thúc đẩy quan hệ song phương với các nước. Tranh thủ thành công và kết quả đạt được trong nhiệm kỳ Chủ tịch ASEAN 2020 nhằm tiếp tục phát huy tốt vai trò dẫn dắt trong ASEAN; tham gia tích cực, chủ động, có trách nhiệm trên các diễn đàn quốc tế, khu vực khác. Tiếp tục quan tâm hỗ trợ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và triển khai hiệu quả công tác bảo hộ công dân. Tiếp tục đẩy mạnh và đổi mới công tác thông tin đối ngoại, quảng bá hình ảnh của Việt Nam, tạo sự đồng thuận cao trong dư luận xã hội đối với hoạt động hội nhập quốc tế.

Theo dõi sát, kiên quyết, kiên trì, đấu tranh bảo vệ vững chắc chủ quyền, biên giới lãnh thổ, biển đảo, các lợi ích chính đáng của ta ở Biển Đông và an ninh quốc gia, đồng thời, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để tập trung cho phát triển.

10. Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị

Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể nhân dân; làm tốt công tác dân vận; đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông, tạo đồng thuận xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra theo các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội.

Trên đây là nội dung Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2020, dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH năm 2021.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính báo cáo Ủy ban Kinh tế của Quốc hội./.

Nơi nhận:

- Như trên (80b);
- Bộ KH&ĐT: Lãnh đạo Bộ, các đơn vị;
- Lưu: VT, Vụ TH.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

Phụ lục I
CÁC CÂN ĐỐI LỚN CỦA NỀN KINH TẾ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020 (Theo số liệu cũ, chưa đánh giá, điều chỉnh lại quy mô kinh tế)			Dự kiến năm 2021 (Theo số liệu mới, đã đánh giá, điều chỉnh lại quy mô kinh tế)	
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2019 (%)	Mục tiêu	So với ước thực hiện 2020 (%)
I	VỀ TÍCH LŨY - TIÊU DÙNG							
A	Nguồn							
1	GDP theo giá hiện hành	Nghìn tỷ đồng	6.037	6.800	6.300	104,38	Khoảng 9 triệu tỷ đồng	111,04
2	Nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ (FOB)	Nghìn tỷ đồng	6.255	...	6.129	97,99	...	109,60
B	Sử dụng							
1	Tiêu dùng cuối cùng	Nghìn tỷ đồng	4.505	...	4.760	105,66	...	110,60
	<i>Trong đó: Tiêu dùng hộ dân cư</i>	<i>Nghìn tỷ đồng</i>	<i>4.115</i>	<i>...</i>	<i>4.331</i>	<i>105,26</i>	<i>...</i>	<i>110,80</i>
2	Tích lũy tài sản	Nghìn tỷ đồng	1.621	...	1.683	103,84	...	108,20
C	Cơ cấu tích lũy, tiêu dùng							
	Tiêu dùng cuối cùng	%	73,5		73,9		71,3	
	Tích lũy tài sản	%	26,5		26,1		28,7	
D	So sánh với GDP							
	Tiêu dùng cuối cùng	%	74,6		75,6		71,0	
	Tích lũy tài sản	%	26,8		26,7		28,6	
	Tiết kiệm	%	29,4		28,0		28,0	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020 (Theo số liệu cũ, chưa đánh giá, điều chỉnh lại quy mô kinh tế)			Dự kiến năm 2021 (Theo số liệu mới, đã đánh giá, điều chỉnh lại quy mô kinh tế)	
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2019 (%)	Mục tiêu	So với ước thực hiện 2020 (%)
II	VỀ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC							
A	Tổng thu ngân sách nhà nước	Nghìn tỷ đồng	1.551,1	1.512,3	1.323,1	85,30	1.342,0	101,43
1	Thu nội địa	Nghìn tỷ đồng	1.273,9	1.264,1	1.115,6	87,57	1.132,5	101,51
2	Thu từ dầu thô	Nghìn tỷ đồng	56,3	35,2	32,5	57,78	23,2	71,38
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	Nghìn tỷ đồng	214,3	208,0	170,0	79,35	178,5	105,00
4	Thu viện trợ	Nghìn tỷ đồng	6,7	5,0	5,0	74,76	7,8	156,00
B	Tổng chi ngân sách nhà nước	Nghìn tỷ đồng	1.748,0	1.747,1	1.686,2	96,46	1.686,0	99,99
	<i>Trong đó:</i>	<i>Nghìn tỷ đồng</i>						
	Chi đầu tư phát triển (bao gồm cả nguồn vốn bổ sung từ nguồn dự phòng NSNN, tăng thu ngân sách địa phương tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết)	Nghìn tỷ đồng	438,4	470,6	495,3	112,99	477,3	96,36
	Chi thường xuyên (bao gồm chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế)	Nghìn tỷ đồng	1.049,3	1.118,0	1.077,5	102,69	1.061,2	98,49
C	Bội chi ngân sách nhà nước	Nghìn tỷ đồng	203,0	234,8	319,4	157,37	344,0	107,70
	<i>So với GDP</i>	<i>%</i>	3,36	3,45	khoảng 5%		Khoảng 4%	
D	Tỷ lệ huy động nguồn ngân sách so với GDP	%	25,7	22,2	khoảng 21%		khoảng 15%	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020 (Theo số liệu cũ, chưa đánh giá, điều chỉnh lại quy mô kinh tế)			Dự kiến năm 2021 (Theo số liệu mới, đã đánh giá, điều chỉnh lại quy mô kinh tế)	
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2019 (%)	Mục tiêu	So với ước thực hiện 2020 (%)
E	Tỷ lệ nợ công so với GDP	%	54,7	54,3	khoảng 57-58%		khoảng 46-48%	
F	Tỷ lệ nợ Chính phủ so với GDP	%	47,7	48,5	khoảng 51-52%		khoảng 40-42%	
G	Tỷ lệ nợ nước ngoài so với GDP	%	47,0	45,5	...		...	
III	VỀ XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA	Tỷ USD	517,7	568,0	527,0	101,80	554,4	105,19
1	Xuất khẩu hàng hóa							
-	Giá trị xuất khẩu hàng hóa	Tỷ USD	264,3	282,0	267,0	101,03	280,4	105,00
	<i>Trong đó: tỷ trọng xuất khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô)</i>	%	67,80	...	64,98		...	
-	Tốc độ tăng giá trị xuất khẩu hàng hóa	%	8,4	Khoảng 8	Khoảng 1		Khoảng 5	
2	Nhập khẩu hàng hóa							
-	Giá trị nhập khẩu hàng hóa	Tỷ USD	253,4	286	260	102,6-103	274	105,38
	<i>Trong đó: tỷ trọng nhập khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</i>	%	57,11	...	58,08		...	
-	Tốc độ tăng giá trị nhập khẩu hàng hóa	%	6,8	9,2	2,6		5,4	
3	Xuất/Nhập siêu	Tỷ USD	Xuất siêu 10,8 tỷ USD		Xuất siêu 7 tỷ USD		Xuất siêu 6,4 tỷ USD	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020 (Theo số liệu cũ, chưa đánh giá, điều chỉnh lại quy mô kinh tế)			Dự kiến năm 2021 (Theo số liệu mới, đã đánh giá, điều chỉnh lại quy mô kinh tế)	
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2019 (%)	Mục tiêu	So với ước thực hiện 2020 (%)
	Tỷ lệ xuất/nhập siêu so với tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa	%	Xuất siêu 4,1%	Nhập siêu dưới 3%	Xuất siêu 2,6%		Xuất siêu 2,3%	
IV	VỀ NGUỒN ĐIỆN							
1	Tổng công suất nguồn điện	MW	55.367		60.674	109,59	66.938	110,32
2	Tỷ lệ dự phòng công suất nguồn điện (không bao gồm điện gió, điện mặt trời)	%	23,9		27,4		21,3	
3	Điện thương phẩm	Tỷ KWh	209,8		215,2	102,59	235,2	109,31
4	Điện sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống	Tỷ KWh	240,1		244,6	101,87	268-269,9	109,56-110,36

Phụ lục II
CƠ CẤU KINH TẾ VÀ NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020 (Theo số liệu cũ, chưa đánh giá, điều chỉnh lại quy mô kinh tế)			Dự kiến năm 2021 (Theo số liệu mới, đã đánh giá, điều chỉnh lại quy mô kinh tế)	
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2019 (%)	Mục tiêu	So với ước thực hiện 2020 (%)
I	THEO GIÁ HIỆN HÀNH							
1	GDP theo nội tệ	Nghìn tỷ đồng	6.037	6.801	6.300	104,38	Khoảng 9 triệu tỷ đồng	111,04
2	GDP theo ngoại tệ	Tỷ USD	261,9	...	268,4	102,49	Khoảng 370	108,86
3	GDP bình quân đầu người	USD	2.715	...	2.750	101,34	Khoảng 3.700	106,65
4	Cơ cấu GDP			...				
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	13,96	...	14,81		...	
-	Công nghiệp và xây dựng	%	34,49	...	33,99		...	
-	Dịch vụ	%	41,64	...	41,44		...	
-	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	9,91	...	9,76		...	
5	Năng suất lao động xã hội	Triệu đồng/lao động	110,45	...	118,38	108,02	163,61	109,10
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Triệu đồng/lao động	44,74	...	51,57	118,87	61,55	114,27
-	Công nghiệp và xây dựng	Triệu đồng/lao động	126,53	...	132,79	104,43	196,28	108,54
-	Dịch vụ	Triệu đồng/lao động	129,77	...	137,41	105,57	190,86	108,70

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020 (Theo số liệu cũ, chưa đánh giá, điều chỉnh lại quy mô kinh tế)			Dự kiến năm 2021 (Theo số liệu mới, đã đánh giá, điều chỉnh lại quy mô kinh tế)	
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2019 (%)	Mục tiêu	So với ước thực hiện 2020 (%)
II	THEO GIÁ SO SÁNH							
1	Tốc độ tăng GDP	%	7,02	...	2,12		6-6,5	
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	2,01	...	2,59		...	
-	Công nghiệp và xây dựng	%	8,90	...	3,18		...	
-	Dịch vụ	%	7,30	...	1,40		...	
-	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	6,46	...	0,63		...	
2	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội	%	6,28	...	4,89		4,84	
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	10,62	...	6,77		9,14	
-	Công nghiệp và xây dựng	%	-2,16	...	5,31		4,73	
-	Dịch vụ	%	5,67	...	3,39		4,20	
III	ĐÓNG GÓP CỦA NĂNG SUẤT CÁC NHÂN TỐ TỔNG HỢP (TFP) VÀO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ	%	47,71	...	37,48		45-47	

Phụ lục III
PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC KINH TẾ CHỦ YẾU

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020			Dự kiến năm 2021		
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2019 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2020 (%)	So với ước thực hiện 2020 (%)
I	VỀ CÔNG NGHIỆP								
1	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	9,10	khoảng 9 -10	khoảng 3-4		khoảng 8-9		
	<i>Trong đó: Chế biến, chế tạo</i>	<i>%</i>	<i>10,40</i>	<i>khoảng 12-13</i>	<i>...</i>		<i>...</i>		
2	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP	%	16,48		16,63		24,43		
3	Một số sản phẩm chủ yếu								
-	Dầu thô khai thác	Triệu tấn	13,09	10,62	11,04	84,34	10,06	94,73	91,12
-	Khí đốt (khí thiên nhiên)	Tỷ m3	10,26	9,74	9,79	95,42	9,75	100,10	99,59
-	Khí hóa lỏng (LPG)	Nghìn tấn	962,00	740,00	835,00	86,80	1.100,00	148,65	131,74
-	Than sạch	Triệu tấn	56,50	60,64	60,64	107,33	61,20	100,92	100,92
	+ Sản xuất trong nước	Triệu tấn	44,88	45,44	45,44	101,25	42,60	93,75	93,75
	+ Than nhập khẩu	Triệu tấn	11,62	15,20	15,20	130,81	18,60	122,37	122,37
-	Ô tô	Nghìn chiếc	280	300	265	94,64	285	95,00	107,55
-	Xe máy	Nghìn chiếc	3.544	3.500	2.800	79,01	3.000	85,71	107,14
-	Động cơ diezen (VEAM)	cái	11.270	13.020	13.020	115,53	13.150	101,00	101,00
-	Máy công cụ (MIE)	cái	1.316	1.000	1.300	98,78	1.300	130,00	100,00

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020			Dự kiến năm 2021		
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2019 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2020 (%)	So với ước thực hiện 2020 (%)
-	Điện thoại di động	Triệu cái	239,3	250,0	215,0	89,85	240,0	96,00	111,63
-	Ti vi	Nghìn cái	15.373	15.500	15.700	102,13	15.500	100,00	98,73
-	Vải dệt từ sợi tự nhiên	Triệu m2	626	635	650	103,83	660	103,94	101,54
-	Vải dệt từ sợi tổng hợp và nhân tạo	Triệu m2	1.173	1.220	1.040	88,66	1.100	90,16	105,77
-	Quần áo mặc thường	Triệu cái	5.120	5.120	4.500	87,89	5.130	100,20	114,00
-	Giày dép da	Triệu đôi	293	318	275	93,86	322	101,26	117,09
II	VỀ NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN								
1	Một số sản phẩm nông nghiệp chủ yếu								
-	Lương thực có hạt								
+	Trong đó: Lúa								
	<i>Diện tích</i>	<i>Nghìn ha</i>	<i>7.470,1</i>	<i>7.510,0</i>	<i>7.425,0</i>	<i>99,40</i>	<i>7.310,0</i>	<i>97,34</i>	<i>98,45</i>
	<i>Sản lượng</i>	<i>Triệu tấn</i>	<i>43.448,2</i>	<i>43.920,0</i>	<i>43.371,0</i>	<i>99,82</i>	<i>43.050,0</i>	<i>98,02</i>	<i>99,26</i>
	<i>Năng suất</i>	<i>Tạ/ha</i>	<i>58,2</i>	<i>58,5</i>	<i>58,4</i>	<i>100,43</i>	<i>58,9</i>	<i>100,70</i>	<i>100,82</i>
+	Trong đó: Ngô								
	<i>Diện tích</i>	<i>Nghìn ha</i>	<i>990,8</i>	<i>980,0</i>	<i>954,1</i>	<i>96,30</i>	<i>950,0</i>	<i>96,94</i>	<i>99,57</i>
	<i>Sản lượng</i>	<i>Triệu tấn</i>	<i>4.757,0</i>	<i>4.704,0</i>	<i>4.617,3</i>	<i>97,06</i>	<i>4.636,0</i>	<i>98,55</i>	<i>100,40</i>
	<i>Năng suất</i>	<i>Tạ/ha</i>	<i>48,0</i>	<i>48,0</i>	<i>48,4</i>	<i>100,80</i>	<i>48,8</i>	<i>101,67</i>	<i>100,84</i>
-	Cây công nghiệp lâu năm								

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020			Dự kiến năm 2021		
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2019 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2020 (%)	So với ước thực hiện 2020 (%)
+	Cà phê								
	<i>Diện tích</i>	<i>Nghìn ha</i>	<i>618,1</i>	<i>630,0</i>	<i>686,0</i>	<i>110,99</i>	<i>682,0</i>	<i>108,25</i>	<i>99,42</i>
	<i>Sản lượng (Nhân)</i>	<i>Nghìn tấn</i>	<i>1.678,8</i>	<i>1.638,0</i>	<i>1.720,0</i>	<i>102,45</i>	<i>1.749,0</i>	<i>106,78</i>	<i>101,69</i>
	<i>Năng suất</i>	<i>Tạ/ha</i>	<i>27,2</i>	<i>26,0</i>	<i>25,1</i>	<i>92,31</i>	<i>25,6</i>	<i>98,64</i>	<i>102,28</i>
+	Chè								
	<i>Diện tích</i>	<i>Nghìn ha</i>	<i>107,9</i>	<i>109,0</i>	<i>108,0</i>	<i>100,09</i>	<i>108,0</i>	<i>99,08</i>	<i>100,00</i>
	<i>Sản lượng (Búp tươi)</i>	<i>Nghìn tấn</i>	<i>1.018,4</i>	<i>991,9</i>	<i>1.042,8</i>	<i>102,40</i>	<i>1.047,6</i>	<i>105,62</i>	<i>100,46</i>
	<i>Năng suất</i>	<i>Tạ/ha</i>	<i>94,4</i>	<i>91,0</i>	<i>96,6</i>	<i>102,30</i>	<i>97,0</i>	<i>106,59</i>	<i>100,46</i>
+	Cao su								
	<i>Diện tích</i>	<i>Nghìn ha</i>	<i>698,1</i>	<i>700,0</i>	<i>730,0</i>	<i>104,57</i>	<i>740,0</i>	<i>105,71</i>	<i>101,37</i>
	<i>Sản lượng (Mủ khô)</i>	<i>Nghìn tấn</i>	<i>1.167,3</i>	<i>1.190,0</i>	<i>1.294,7</i>	<i>110,91</i>	<i>1.309,8</i>	<i>110,07</i>	<i>101,17</i>
	<i>Năng suất</i>	<i>Tạ/ha</i>	<i>16,7</i>	<i>17,0</i>	<i>17,7</i>	<i>106,07</i>	<i>17,7</i>	<i>104,12</i>	<i>99,80</i>
+	Hồ tiêu								
	<i>Diện tích</i>	<i>Nghìn ha</i>	<i>108,9</i>	<i>110,0</i>	<i>113,0</i>	<i>103,76</i>	<i>115,0</i>	<i>104,55</i>	<i>101,77</i>
	<i>Sản lượng</i>	<i>Nghìn tấn</i>	<i>262,2</i>	<i>275,0</i>	<i>272,0</i>	<i>103,74</i>	<i>278,2</i>	<i>101,16</i>	<i>102,28</i>
	<i>Năng suất</i>	<i>Tạ/ha</i>	<i>24,1</i>	<i>25,0</i>	<i>24,1</i>	<i>99,97</i>	<i>24,2</i>	<i>96,77</i>	<i>100,50</i>
+	Đề hu								
	<i>Diện tích</i>	<i>Nghìn ha</i>	<i>276,4</i>	<i>292,0</i>	<i>279,0</i>	<i>100,94</i>	<i>280,0</i>	<i>95,89</i>	<i>100,36</i>
	<i>Sản lượng</i>	<i>Nghìn tấn</i>	<i>284,0</i>	<i>350,0</i>	<i>325,5</i>	<i>114,61</i>	<i>360,0</i>	<i>102,86</i>	<i>110,60</i>
	<i>Năng suất</i>	<i>Tạ/ha</i>	<i>10,3</i>	<i>12,0</i>	<i>11,7</i>	<i>113,54</i>	<i>12,9</i>	<i>107,27</i>	<i>110,20</i>

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020			Dự kiến năm 2021		
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2019 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2020 (%)	So với ước thực hiện 2020 (%)
-	Thịt hơi các loại	Nghìn tấn	5.081	5.312	5.368	105,65	5.725	107,77	106,64
	<i>Trong đó thịt lợn</i>	<i>Nghìn tấn</i>	<i>3.329</i>	<i>3.485</i>	<i>3.453</i>	<i>103,74</i>	<i>3.669</i>	<i>105,27</i>	<i>106,24</i>
2	Một số chỉ tiêu sản xuất lâm nghiệp								
-	Diện tích rừng trồng mới tập trung	Nghìn ha	269,0	220,0	220,0	81,78	250,0	113,64	113,64
-	Sản lượng gỗ khai thác	Triệu m ³	16,3	20,0	20,5	125,66	23,0	115,00	112,20
3	Sản lượng thủy sản	Nghìn tấn	8.268	8.566	8.566	103,60	8.910	104,02	104,02
-	Nuôi trồng	Nghìn tấn	4.491	4.666	4.666	103,90	4.810	103,09	103,09
-	Khai thác	Nghìn tấn	3.778	3.900	3.900	103,24	4.100	105,13	105,13
III	VỀ DỊCH VỤ								
1	Thương mại								
	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng xã hội	Nghìn tỷ đồng	4.931	5.440-5.489	4.986	101,12	5.385	98,1-99	108,00
	<i>Tốc độ tăng</i>	<i>%</i>	<i>12,23</i>	<i>11-11,5</i>	<i>1,12</i>		<i>8,00</i>		
2	Du lịch								
-	Số lượt khách du lịch nội địa	Triệu lượt người	85	85-90	...	...	...	...	...
	<i>Tốc độ tăng</i>	<i>%</i>	<i>...</i>	<i>0-5,9</i>	<i>...</i>		<i>...</i>		
-	Số lượt khách du lịch quốc tế	Triệu lượt người	18	20	...	...	...	...	...
	<i>Tốc độ tăng</i>	<i>%</i>	<i>16,20</i>	<i>11,06</i>	<i>...</i>		<i>...</i>		

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020			Dự kiến năm 2021		
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2019 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2020 (%)	So với ước thực hiện 2020 (%)
3	Thông tin và truyền thông								
-	Tỷ trọng kinh tế số trong GDP	%	...	...	...		...		
IV	VỀ DOANH NGHIỆP VÀ KINH TẾ TẬP THỂ								
1	Doanh nghiệp								
-	Tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập (lũy kế)	Nghìn doanh nghiệp	1.448,3	1.574,2	1.573,0	108,61	...	...	...
-	Số doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế (không tính các doanh nghiệp đã giải thể)	Nghìn doanh nghiệp	760,0	800,0	765,0	100,66			
-	Số doanh nghiệp đăng ký mới	Nghìn doanh nghiệp	138,1	136,0	125,0	90,49	...	...	...
-	Tổng số vốn đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới	Nghìn doanh nghiệp	1.730,2	1.600,0	1.405,0	81,21	...	...	...
-	Số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể	Nghìn doanh nghiệp	16,8	...	16,9	100,36			

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020			Dự kiến năm 2021		
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2019 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2020 (%)	So với ước thực hiện 2020 (%)
2	Kinh tế tập thể								
-	Tổng số hợp tác xã	Hợp tác xã	24.448	25.600	26.200	107,17	28.000	109,38	106,87
	<i>Trong đó:</i>								
+	Thành lập mới	Hợp tác xã	2.431	2.300	2.300	94,61	2.500	108,70	108,70
+	Giải thể	Hợp tác xã	668	500	500	74,85	350	70,00	70,00
-	Tổng số thành viên trong hợp tác xã	Nghìn thành viên	6.033	6.600	6.400	106,08	6.600	100,00	103,13
-	Tổng số Liên hiệp hợp tác xã	Liên hiệp hợp tác xã	85	80	95	111,76	105	131,25	110,53
-	Tổng số hợp tác xã thành viên của Liên hiệp hợp tác xã	Hợp tác xã	583	400	640	109,78	700	175,00	109,38
-	Tổng số tổ hợp tác	Tổ hợp tác	110.000	112.000	115.000	104,55	120.000	107,14	104,35
-	Tổng số thành viên của tổ hợp tác	Nghìn thành viên	1.400	1.502	1.450	103,57	1.550	103,20	106,90
V	VỀ ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN								
1	Tỷ lệ đô thị hóa	%	39,20	40,00	40,00		40,5-41,5		
2	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới	%	54	58	63		68		
	<i>Trong đó: đạt chuẩn nông thôn kiểu mẫu</i>	%	...	...	...		6		

Phụ lục IV
VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TOÀN XÃ HỘI (theo giá hiện hành)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020			Dự kiến năm 2021		
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2019 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2020 (%)	So với ước thực hiện 2020 (%)
1	Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	Nghìn tỷ đồng	2.046,8	2.363,2	2.117,3	103,45	Khoảng 3 triệu tỷ đồng	...	...
2	So với GDP	%	33,9	33-34	33,6		33,8		
3	Cơ cấu								
-	Nguồn ngân sách nhà nước	%	18,4	...	20,6		...		
-	Tín dụng đầu tư phát triển nhà nước	%	2,0	...	1,8		...		
-	Doanh nghiệp nhà nước	%	8,6	...	7,7		...		
-	Dân cư và doanh nghiệp tư nhân	%	46,1	...	46,2		...		
-	Đầu tư trực tiếp nước ngoài	%	22,9	...	21,5		...		
-	Huy động khác	%	2,0	...	2,2		...		
4	Đầu tư trực tiếp nước ngoài								
-	Vốn đầu tư thực hiện	Tỷ USD	20,38	19,00	19 - 20	93,2 - 98,1	21 - 22	110,5 - 115,8	105 - 115,8
-	Vốn đăng ký	Tỷ USD	38,95	35 - 36	34 - 35	87,2 - 89,9	38 - 40	105,6 - 114,3	108,6 - 117,6

Phụ lục V
CÁC LĨNH VỰC XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020			Dự kiến năm 2021		
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2019 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2020 (%)	So với ước thực hiện 2020 (%)
I	VỀ DÂN SỐ								
1	Dân số trung bình	Triệu người	96,48	96,70	97,58	101,14	98,72	102,09	101,17
	<i>Trong đó: dân số nông thôn</i>	<i>Triệu người</i>	<i>62,67</i>	<i>61,40</i>	<i>62,38</i>	<i>99,54</i>	<i>62,51</i>	<i>101,80</i>	<i>100,20</i>
2	Tuổi thọ trung bình	Tuổi	73,60	73,70	73,70	100,14	73,80	100,14	100,14
3	Tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh	Số bé trai/100 bé gái	111,50	114,60	111,50		111,40		
II	VỀ GIÁO DỤC								
1	Tỷ lệ học sinh đi học đúng tuổi cấp Trung học cơ sở	%	89,2	91	91				
2	Tỷ lệ học sinh đi học đúng tuổi cấp Trung học phổ thông	%	68,3	69,0	68,7				
3	Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ	%	28,5	30,0	30,0		31,0		
4	Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo	%	91,9	92,3	92,3		93,0		
5	Kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở								
-	Kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tính đạt chuẩn mức độ 1)	%	87,3	74,6	74,6		60,3		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020			Dự kiến năm 2021		
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2019 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2020 (%)	So với ước thực hiện 2020 (%)
-	Kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tính đạt chuẩn mức độ 2)	%	7,9	15,9	15,9		23,8		
-	Kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tính đạt chuẩn mức độ 3)	%	4,8	9,5	9,5		15,9		
6	Tỷ lệ số lượt người được tham gia đào tạo, bồi dưỡng tại các cơ sở giáo dục thường xuyên	%	21,6	23,0	23,7		25,0		
7	Tỷ lệ giảng viên đại học có bằng tiến sĩ	%	21,7	24,0	28,8		30,0		
III	VỀ LAO ĐỘNG								
1	Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên	Triệu người	55,80	56,20	54,20	97,13	54,60	97,15	100,74
2	Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế	Triệu người	54,70	55,20	52,80	96,53	53,20	96,38	100,76
	<i>Trong đó tỷ lệ lao động nông nghiệp</i>	%	<i>34,50</i>	<i>33,50</i>	<i>33,20</i>		<i>31,90</i>		
3	Số người đi làm việc nước ngoài theo hợp đồng	Nghìn người	1152,3	130	70	.45,96	90	69,23	128,57
4	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội	%	32,50	33,50	32,70		35,00		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020			Dự kiến năm 2021		
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2019 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2020 (%)	So với ước thực hiện 2020 (%)
5	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp	%	...	...	...		28,00		
IV	VỀ Y TẾ								
1	Số bác sỹ trên 1 vạn dân		8,9	9,0	9,0		9,2		
2	Tỷ suất chết của người mẹ trong thời gian thai sản trên 100.000 trẻ đẻ sống	Người	46,0	.	445,8		45,5		
3	Tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi (trên 1.000 trẻ đẻ ra sống)	‰	14,0	14,0	13,9		113,7		
4	Tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi (trên 1.000 trẻ đẻ ra sống)	‰	21,0	20,4	220,7		220,4		
5	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi)	%	112,4	< 12	12,0		11,7		
6	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	%	211,9	.	19,5		119,2		
7	Tỷ lệ dân số được quản lý, theo dõi và chăm sóc, bảo vệ sức khỏe	%	.18,1	.	438,1		60,0		
8	Số được sỹ đại học trên 1 vạn dân	Được sỹ đại học	.2,9	.	32,95		3,1		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020			Dự kiến năm 2021		
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2019 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2020 (%)	So với ước thực hiện 2020 (%)
9	Số điều dưỡng viên trên 1 vạn dân	Điều dưỡng viên	.11,4	...	111,6		113		
10	Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế	%	.80,6	.> 80	> 80,0		8> 80		
V	VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH								
1	Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ bình quân cả nước (Par-Index)	%	85,63	85,50	85,5		85,5		
2	Chỉ số cải cách hành chính của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bình quân cả nước (Par-Index)	%	81,15	82	82		82		
3	Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước bình quân cả nước (SIPAS)	%	84,45	85	85		86		
4	Tổng biên chế hưởng lương ngân sách nhà nước	Nghìn người	2.153,62	2.088,24	2.088,24		...		
5	Số biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Nghìn người	259,60	253,52	253,5		...		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020			Dự kiến năm 2021		
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2019 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2020 (%)	So với ước thực hiện 2020 (%)
6	Tỷ lệ tinh giản biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước	%	2,08	2,34	2,34		...		
7	Số biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Nghìn người	1.894,02	1.834,72	1.834,72		...		
8	Tỷ lệ tinh giản biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước	%	1,18	3,13	3,13		...		
V	VỀ MÔI TRƯỜNG								
1	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	88,0	90,0	90,0		90,0		
2	Tỷ lệ dân số khu vực nông thôn được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	89,00	...	90,00		91,00		
3	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	86,50	...	87,00		> 87		

Phụ lục VI
ƯỚC THỰC HIỆN CHỈ TIÊU TĂNG TRƯỞNG TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN (GRDP) NĂM 2020 CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG

TT	CHỈ TIÊU	Tốc độ tăng GRDP	Trong đó:				
			Khu vực I (Nông, lâm nghiệp và thủy sản)	Khu vực II		Khu vực III (Dịch vụ)	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm
				Công nghiệp và xây dựng	Trong đó riêng công nghiệp		
	MIỀN NÚI PHÍA BẮC						
1	Hà Giang	1,09	3,63	-4,83	-12,09	3,10	-1,22
2	Tuyên Quang	4,11	3,98	8,85	9,00	1,62	0,59
3	Cao Bằng	4,23	1,67	9,68	10,08	3,05	1,70
4	Lạng Sơn	1,20	2,85	0,61	5,15	0,74	1,61
5	Lào Cai	6,31	4,37	11,35	13,23	2,12	5,70
6	Yên Bái	4,26	4,80	6,47	3,60	2,65	3,15
7	Thái Nguyên	3,61	4,71	3,71	3,51	3,01	3,18
8	Bắc Kạn	3,88	6,26	4,25	4,88	2,52	2,60
9	Phú Thọ	3,40	3,67	3,97	3,74	3,94	-3,28
10	Bắc Giang	12,84	7,43	18,28	19,45	1,36	5,37
11	Hoà Bình	2,32	4,64	1,30	-0,29	2,43	1,43
12	Sơn La	1,92	3,61	-3,24	-6,35	5,21	2,39
13	Lai Châu	-0,49	3,93	-3,95	-7,00	3,08	-9,79
14	Điện Biên	1,82	0,50	3,94	-2,13	1,37	3,31

TT	CHỈ TIÊU	Tốc độ tăng GRDP	Trong đó:				
			Khu vực I (Nông, lâm nghiệp và thủy sản)	Khu vực II		Khu vực III (Dịch vụ)	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm
				Công nghiệp và xây dựng	Trong đó riêng công nghiệp		
	ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG						
15	Thành phố Hà Nội	3,49	3,79	6,52	5,46	2,49	3,14
16	Thành phố Hải Phòng	11,84	2,31	18,49	18,38	5,18	8,18
17	Quảng Ninh	7,04	3,19	9,11	8,59	5,67	4,39
18	Hải Dương	3,24	7,36	4,73	4,97	0,32	-0,68
19	Hưng Yên	6,46	3,53	7,97	7,78	4,75	4,30
20	Vĩnh Phúc	0,69	2,84	0,84	-0,11	0,26	0,30
21	Bắc Ninh	-3,30	-0,61	-4,50	-3,84	0,55	-0,69
22	Hà Nam	4,60	3,24	5,71	5,34	2,95	3,92
23	Nam Định	5,39	4,08	7,98	8,22	3,39	4,91
24	Ninh Bình	4,20	3,22	7,30	7,13	1,18	4,90
25	Thái Bình	4,36	3,49	7,24	5,13	2,82	-1,95

TT	CHỈ TIÊU	Tốc độ tăng GRDP	Trong đó:				
			Khu vực I (Nông, lâm nghiệp và thủy sản)	Khu vực II		Khu vực III (Dịch vụ)	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm
				Công nghiệp và xây dựng	Trong đó riêng công nghiệp		
	MIỀN TRUNG						
26	Thanh Hoá	3,57	2,92	7,43	7,90	0,26	0,66
27	Nghệ An	4,12	5,06	7,69	4,66	1,67	0,10
28	Hà Tĩnh	2,32	3,26	3,96	5,06	1,05	-2,21
29	Quảng Bình	3,44	5,11	8,95	7,40	0,07	4,57
30	Quảng Trị	3,63	2,96	7,27	7,45	2,31	2,34
31	Thừa Thiên - Huế	2,00	2,62	6,03	5,49	-0,87	2,49
32	Thành phố Đà Nẵng	-9,26	2,62	-10,46	-11,23	-7,96	-15,91
33	Quảng Nam	-11,76	2,94	-10,72	-11,80	-9,19	-26,57
34	Quảng Ngãi	-1,35	0,82	1,53	2,83	-5,30	-3,19
35	Bình Định	2,93	3,03	7,79	7,61	-0,22	1,76
36	Phú Yên	2,48	1,46	6,87	8,28	0,81	-3,50
37	Khánh Hoà	-11,27	-5,25	5,14	2,61	-21,42	-9,67
38	Ninh Thuận	8,83	-1,42	36,93	63,11	1,70	3,35
39	Bình Thuận	3,71	3,46	12,78	13,20	-2,81	2,86

TT	CHỈ TIÊU	Tốc độ tăng GRDP	Trong đó:				
			Khu vực I (Nông, lâm nghiệp và thủy sản)	Khu vực II		Khu vực III (Dịch vụ)	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm
				Công nghiệp và xây dựng	Trong đó riêng công nghiệp		
	TÂY NGUYÊN						
40	Đắk Lắk	3,16	3,94	0,82	-0,13	3,45	1,24
41	Đắk Nông	4,92	4,69	9,12	10,75	4,40	-2,83
42	Gia Lai	2,36	4,42	-1,49	-3,39	3,14	1,00
43	Kon Tum	6,67	7,50	14,32	15,91	2,61	5,76
44	Lâm Đồng	1,64	3,91	4,42	2,17	-2,39	7,12
	ĐÔNG NAM BỘ						
45	Thành phố Hồ Chí Minh	1,32	2,75	1,05	0,93	1,70	0,02
46	Đồng Nai	4,58	3,17	6,63	6,66	0,46	3,46
47	Bình Dương	6,78	2,48	7,10	7,18	7,37	4,50
48	Bình Phước	7,09	11,78	10,68	13,72	1,21	5,31
49	Tây Ninh	3,63	0,74	8,33	9,18	0,62	1,89
50	Bà Rịa - Vũng Tàu	-3,80	3,63	-5,15	-5,29	-1,43	4,09

TT	CHỈ TIÊU	Tốc độ tăng GRDP	Trong đó:				
			Khu vực I (Nông, lâm nghiệp và thủy sản)	Khu vực II		Khu vực III (Dịch vụ)	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm
				Công nghiệp và xây dựng	Trong đó riêng công nghiệp		
	ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG						
51	Long An	4,88	1,71	8,96	8,93	-1,15	7,61
52	Tiền Giang	1,49	-0,99	4,07	2,07	1,44	4,83
53	Bến Tre	1,94	0,12	7,36	7,10	1,29	-1,53
54	Trà Vinh	4,28	-0,92	11,64	13,37	1,78	0,07
55	Vĩnh Long	0,85	0,82	-0,50	-1,64	0,61	7,65
56	Thành phố Cần Thơ	1,77	1,62	4,42	5,13	-0,55	4,71
57	Hậu Giang	1,77	0,51	11,45	13,21	-2,09	-0,95
58	Sóc Trăng	0,45	-0,60	8,74	10,37	-2,10	3,74
59	An Giang	2,57	3,10	7,59	8,11	0,69	3,58
60	Đồng Tháp	2,38	0,52	5,40	4,58	1,41	6,73
61	Kiên Giang	2,47	1,22	4,80	5,44	2,34	3,44
62	Bạc Liêu	3,47	3,09	9,46	7,36	0,91	4,31
63	Cà Mau	1,09	4,02	-2,32	-3,60	1,84	4,53